TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM THI (THEO NHÓM)

Điểm thi học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học/Nhóm: Tiếng Anh Tổng hợp C1.1 — Số tín chỉ: 3

Ngày thi: 20/06/2022 — Ca thi: 1

TT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên Lớp	Điểm Thi	Điểm chữ	Ghi chú
1	19572202010002	Trần Thị Thu	Diệp	DC19NNA01	4,0	Bốn điểm	
2	19572202010003	Lý Đăng	Dương	DC19NNA01	7,7	Bảy điểm bảy	
3	19572202010015	Vũ Hồ Vy	Đan	DC19NNA01	6,2	Sáu điểm hai	
4	19572202010005	Nguyễn Thị Hoàng	Hảo	DC19NNA01	4,6	Bốn điểm sáu	
5	19572202010004	Lê Thị Ngọc	Hân	DC19NNA01	5,4	Năm điểm tư	
6	19572202010007	Lê Thị Ngọc	Hiền	DC19NNA01	4,7	Bốn điểm bảy	
7	19572202010006	Nguyễn Thị	Hiền	DC19NNA01	4,5	Bốn điểm rưỡi	
8	19572202010018	Nguyễn Thị Thu	Hiền	DC19NNA01	3,5	Ba điểm rưỡi	
9	19572202010016	Lê Thị Ngọc	Huệ	DC19NNA01	3,5	Ba điểm rưỡi	
10	19572202010024	Hà Thị Mỹ	Hương	DC19NNA01	3,4	Ba điểm tư	
11	19572202010008	Nguyễn Thị Thùy	Linh	DC19NNA01	3,5	Ba điểm rưỡi	
12	19572202010025	Phạm Thị Hoài	Như	DC19NNA01	3,2	Ba điểm hai	
13	19572202010017	Lê Trung	Quân	DC19NNA01	5,0	Năm điểm	
14	19572202010027	Lê Thy	Quyên	DC19NNA01	7,3	Bảy điểm ba	
15	19572202010020	Võ Cao Thành	Tài	DC19NNA01	6,0	Sáu điểm	
16	19572202010009	Nguyễn Bích	Thảo	DC19NNA01	6,2	Sáu điểm hai	
17	19572202010021	Đặng Phúc	Thịnh	DC19NNA01	4,2	Bốn điểm hai	
18	19572202010010	Đặng Minh	Thuận	DC19NNA01	3,5	Ba điểm rưỡi	
19	19572202010022	Trần Hiếu	Thương	DC19NNA01	5,9	Năm điểm chín	
20	19572202010011	Nguyễn Ngọc	Trâm	DC19NNA01	6,7	Sáu điểm bảy	
21	19572202010013	Hồ Anh	Tuyền	DC19NNA01	6,3	Sáu điểm ba	

Phú Yên, ngày 12 tháng 07 năm 2022

Phòng Quản lý chất lượng

Huỳnh Minh Giảng

Người nhập điểm

Huỳnh Thị Oanh

TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM THI (THEO NHÓM)

Điểm thi học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học/Nhóm: Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục — Số tín chỉ: 2
Ngày thi: 20/06/2022 — Ca thi: 1

TT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên Lớp	Điểm Thi	Điểm chữ	Ghi chú
1	19571402010001	Nguyễn Bảo	Chung	DC19GMN01	8,0	Tám điểm	
2	19571402010002	Phạm Thị Kim	Hằng	DC19GMN01	8,0	Tám điểm	
3	19571402010003	Nguyễn Thị Thanh	Hậu	DC19GMN01	7,0	Bảy điểm	
4	19571402010004	Đào Thị Kim	Hiền	DC19GMN01	8,5	Tám điểm rưỡi	
5	19571402010013	Lưu Thị Mỹ	Kim	DC19GMN01	7,0	Bảy điểm	
6	19571402010005	Trần Thị Yến	Ly	DC19GMN01	8,5	Tám điểm rưỡi	
7	19571402010014	Nguyễn Thị Trà	My	DC19GMN01	7,5	Bảy điểm rưỡi	
8	19571402010023	Nguyễn Thị Thanh	Nhã	DC19GMN01	0,0	Không điểm	Vắng
9	19571402010006	Nguyễn Thị ánh	Nhàn	DC19GMN01	6,0	Sáu điểm	
10	19571402010007	Lương Thị	Nhi	DC19GMN01	9,5	Chín điểm rưỡi	
11	19571402010008	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	DC19GMN01	2,5	Hai điểm rưỡi	
12	19571402010024	Nguyễn Phạm Thu	Phận	DC19GMN01	8,5	Tám điểm rưỡi	
13	19571402010015	Trần Thị Lệ	Phiến	DC19GMN01	8,0	Tám điểm	
14	19571402010016	Phạm Thị Y	Thảo	DC19GMN01	8,5	Tám điểm rưỡi	
15	19571402010017	Phan Thanh	Thảo	DC19GMN01	9,0	Chín điểm	
16	19571402010010	Ngô Thị Tuyết	Thơm	DC19GMN01	5,0	Năm điểm	
17	19571402010012	Nguyễn Thị Bích	Thùy	DC19GMN01	9,0	Chín điểm	
18	19571402010018	Trần Thị Thanh	Thúy	DC19GMN01	9,0	Chín điểm	
19	19571402010011	Nguyễn Thị Hoài	Thương	DC19GMN01	7,5	Bảy điểm rưỡi	
20	19571402010019	Nguyễn Thiện	Trang	DC19GMN01	9,5	Chín điểm rưỡi	
21	19571402010025	Đinh Khánh	Trân	DC19GMN01	10,0	Mười điểm	
22	19571402010026	Nguyễn Thị Mỹ	Trinh	DC19GMN01	7,5	Bảy điểm rưỡi	
23	19571402010020	Tống Kiều Anh	Tú	DC19GMN01	8,5	Tám điểm rưỡi	
24	19571402010021	Nguyễn Thị Kim	Uyên	DC19GMN01	5,5	Năm điểm rưỡi	
25	19571402010022	Mlô Hờ	Vân	DC19GMN01	5,5	Năm điểm rưỡi	

Phú Yên, ngày 01 tháng 07 năm 2022

Phòng Quản lý chất lượng

Huỳnh Minh Giảng

Người nhập điểm

Huỳnh Thị Oanh

TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM THI (THEO NHÓM)
Điểm thi học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học/Nhóm: Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục — Số tín chỉ: 2
Ngày thi: 20/06/2022 — Ca thi: 1

TT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên Lớp	Điểm Thi	Điểm chữ	Ghi chú
1	19571402020001	Phan Huỳnh Khánh	Duyên	DC19GTH01	8,0	Tám điểm	
2	19571402020029	Lê Nhân	Đức	DC19GTH01	5,5	Năm điểm rưỡi	
3	19571402310010	Lê Nguyễn Phương	Hảo	DC19STA01	8,0	Tám điểm	
4	19571402020013	Sô Thị Thu	Hảo	DC19GTH01	7,0	Bảy điểm	
5	19571402310001	Trần Thị Mỹ	Hảo	DC19STA01	6,5	Sáu điểm rưỡi	
6	19571402020014	Lê Mo Hờ	Hiền	DC19GTH01	9,0	Chín điểm	
7	19571402020015	Hán Thị	Huyền	DC19GTH01	6,5	Sáu điểm rưỡi	
8	19571402020002	Lê Thanh	Hương	DC19GTH01	8,0	Tám điểm	
9	19571402020016	Trần Yến	Khoa	DC19GTH01	8,0	Tám điểm	
10	19571402020003	Nguyễn Thị Liên	Kiều	DC19GTH01	9,0	Chín điểm	
11	19571402310005	Nguyễn Thị Kim	Lài	DC19STA01	7,0	Bảy điểm	
12	19571402020017	Võ Thị Thanh	Lam	DC19GTH01	6,5	Sáu điểm rưỡi	
13	19571402020004	Phan Duy Mỹ	Lợi	DC19GTH01	7,5	Bảy điểm rưỡi	
14	19571402020005	Lê Đào Hiền	Lương	DC19GTH01	5,5	Năm điểm rưỡi	
15	19571402020006	Nguyễn Thị Hoàng	Mai	DC19GTH01	5,0	Năm điểm	
16	19571402020028	Nguyễn Thị Sơn	My	DC19GTH01	8,5	Tám điểm rưỡi	
17	19571402020007	Nguyễn Hiếu	Ngân	DC19GTH01	8,0	Tám điểm	
18	19571402310002	Bùi Bích	Ngọc	DC19STA01	8,0	Tám điểm	
19	19571402020018	Trần Lê Thanh	Nhàn	DC19GTH01	9,0	Chín điểm	
20	19571402020009	Võ Huỳnh	Như	DC19GTH01	8,0	Tám điểm	
21	19571402020019	Phan Trịnh Kim	Phượng	DC19GTH01	6,5	Sáu điểm rưỡi	
22	19571402310009	Nguyễn Thị Ngọc	Quỳnh	DC19STA01	7,5	Bảy điểm rưỡi	
23	19571402310004	Phan Văn	Sang	DC19STA01	7,0	Bảy điểm	
24	19571402020027	Đồng Thị Thu	Sương	DC19GTH01	6,5	Sáu điểm rưỡi	
25	19571402020010	Ngô Đỗ Phương	Thảo	DC19GTH01	5,5	Năm điểm rưỡi	
26	19571402020011	Lê Đỗ Hoài	Thu	DC19GTH01	7,5	Bảy điểm rưỡi	
27	19571402310011	Nguyễn Thị Kim	Tiên	DC19STA01	7,0	Bảy điểm	
28	19571402020020	Phạm Lê Cẩm	Tiên	DC19GTH01	7,0	Bảy điểm	
29	19571402310007	Nguyễn Thị Thùy	Trang	DC19STA01	7,5	Bảy điểm rưỡi	
30	19571402020021	Văn Lê Thùy	Trang	DC19GTH01	8,5	Tám điểm rưỡi	
31	19571402310006	Trịnh Trương	Triển	DC19STA01	7,5	Bảy điểm rưỡi	
32	19571402310008	Nguyễn Bá	Trúc	DC19STA01	5,0	Năm điểm	
33	19571402020022	Huỳnh Thị Thanh	Tuyền	DC19GTH01	7,0	Bảy điểm	
34	19571402020012	Ngô Phạm Trường	Vi	DC19GTH01	8,0	Tám điểm	
35	19571402020023	Trần Linh	Vi	DC19GTH01	6,5	Sáu điểm rưỡi	
36	19571402020024	Phạm Thị Hoàng	Ý	DC19GTH01	9,0	Chín điểm	

Phú Yên, ngày 30 tháng 06 năm 2022

Phòng Quản lý chất lượng

Huỳnh Minh Giảng

Người nhập điểm

Huỳnh Thị Oanh

TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM THI (THEO NHÓM)

Điểm thi học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

HỌC PHẦN: Khai phá dữ liệu **Số tín chỉ:**
Ngày thi: 20/6/2022 Ca thi: 3

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Điểm thi	Điểm chữ	Ghi chú
1	18574802010049	Trịnh Xuân	Bảo	DC18CTT01	6.0	*Sáu điểm*	
2	18574802010005	Cao Thị Thu	Dân	DC18CTT01	7.0	*Bảy điểm*	
3	18574802010008	Nguyễn Trọng	Định	DC18CTT01	7.0	*Bảy điểm*	
4	18574802010012	Mã Thị Hồng	Hạnh	DC18CTT01	7.5	*Bảy điểm rưỡi*	
5	18574802010014	Nguyễn Phước	Hòa	DC18CTT01	6.5	*Sáu điểm rưỡi*	
6	18574802010016	Nại Thành	Hoàng	DC18CTT01	8.0	*Tám điểm*	
7	18574802010019	Trần Đức	Huy	DC18CTT01	7.5	*Bảy điểm rưỡi*	
8	18574802010023	Nguyễn Hiền	Luân	DC18CTT01	7.0	*Bảy điểm*	
9	18574802010025	Trần Thị Bích	Mận	DC18CTT01	8.0	*Tám điểm*	
10	18574802010055	Lê Thị Thu	Sa	DC18CTT01	7.0	*Bảy điểm*	
11	18574802010059	Đặng Thái	Tài	DC18CTT01	6.5	*Sáu điểm rưỡi*	
12	155D4802010043	Lê Kim	Tân	DC18CTT01	8.0	*Tám điểm*	
13	18574802010035	Nguyễn Duy	Tân	DC18CTT01	6.0	*Sáu điểm*	
14	18574802010037	Lê Đức	Thịnh	DC18CTT01	8.0	*Tám điểm*	
15	18574802010056	Nguyễn Minh	Thọ	DC18CTT01	8.0	*Tám điểm*	
16	18574802010039	Kiều Công	Tiến	DC18CTT01	7.5	*Bảy điểm rưỡi*	
17	18574802010041	Lê Nguyên	Trung	DC18CTT01	7.5	*Bảy điểm rưỡi*	
18	18574802010042	Phạm Minh	Tú	DC18CTT01	0.0	*Không điểm*	Vắng thi
19	18574802010046	Bùi Văn	Vương	DC18CTT01	0.0	*Không điểm*	Vắng thi
20	18574802010001	Ngô Lương Thị	Ái	DC18CTT01	6.5	*Sáu điểm rưỡi*	

Phú Yên, ngày 01 tháng 7 năm 2022

P. TRƯỞNG PHÒNG QLCL

Huỳnh Minh Giảng

NGƯỜI NHẬP ĐIỂM

Nguyễn Văn Hoàng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM THI (THEO NHÓM)

Điểm thi học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

HỌC PHẦN: Ngữ dụng học* **Số tín chỉ:**
Ngày thi: 20/6/2022 Ca thi: 3

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Điểm thi	Điểm chữ	Ghi chú
1	18572202010005	Trần Quốc	Bảo	DC18NNA01	6.0	*Sáu điểm*	
2	18572202010062	Nguyễn Thị Bích	Bình	DC18NNA01	4.4	*Bốn điểm tư*	
3	18572202010009	Nguyễn Khánh	Duy	DC18NNA01	5.0	*Năm điểm*	
4	18572202010064	Võ Đức Thái	Dương	DC18NNA01	4.8	*Bốn điểm tám*	
5	18572202010007	Huỳnh Tấn	Đạt	DC18NNA01	5.3	*Năm điểm ba*	
6	18572202010008	Võ Văn	Đoan	DC18NNA01	4.0	*Bốn điểm*	
7	18572202010013	Lương Thị Ngọc	Hiền	DC18NNA01	5.9	*Năm điểm chín*	
8	18572202010065	Lê Huỳnh	Hòa	DC18NNA01	4.6	*Bốn điểm sáu*	
9	18572202010067	Đỗ Ngọc	Huy	DC18NNA01	4.5	*Bốn điểm rưỡi*	
10	18572202010014	Lê Văn	Hưng	DC18NNA01	4.9	*Bốn điểm chín*	
11	18572202010068	Nguyễn Thị Xuân	Kiều	DC18NNA01	5.5	*Năm điểm rưỡi*	
12	18572202010018	Dương Thị Mỹ	Loan	DC18NNA01	6.0	*Sáu điểm*	
13	18572202010019	Huỳnh Thị Đài	Loan	DC18NNA01	5.2	*Năm điểm hai*	
14	18572202010021	Nguyễn Thị Bích	Ly	DC18NNA01	5.5	*Năm điểm rưỡi*	
15	18572202010025	Lương Thị Kiều	Mỹ	DC18NNA01	5.1	*Năm điểm một*	
16	18572202010026	Đặng Thị Phương	Nga	DC18NNA01	4.8	*Bốn điểm tám*	
17	18572202010029	Nguyễn Ngọc Hoàng	Ngân	DC18NNA01	5.0	*Năm điểm*	
18	18572202010069	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	DC19NNA01	4.9	*Bốn điểm chín*	
19	18572202010034	Trần Thị Anh	Phương	DC18NNA01	5.2	*Năm điểm hai*	
20	18572202010037	Huỳnh Thị Tú	Quyên	DC18NNA01	5.2	*Năm điểm hai*	
21	18572202010038	Tôn Cao Lệ	Quyên	DC18NNA01	3.2	*Ba điểm hai*	
22	18572202010077	Nguyễn Văn Quốc	Thịnh	DC18NNA01	4.9	*Bốn điểm chín*	
23	18572202010044	Võ Thị Thanh	Thoại	DC18NNA01	4.2	*Bốn điểm hai*	
24	18572202010045	Văn Thị Xuân	Thoi	DC18NNA01	3.7	*Ba điểm bảy*	
25	17552220201081	Nguyễn Thị Anh	Thơ	DC18NNA01	0.0	*Không điểm*	Vắng thi
26	18572202010047	Phạm Lê	Thúy	DC18NNA01	3.2	*Ba điểm hai*	
27	18572202010046	Nguyễn Thị Kim	Thương	DC18NNA01	4.2	*Bốn điểm hai*	
28	18572202010048	Bùi Nguyễn Hoài	Trâm	DC18NNA01	3.8	*Ba điểm tám*	
29	18572202010071	Phan Nhật	Trung	DC18NNA01	4.6	*Bốn điểm sáu*	
30	18572202010076	Nguyễn Hoàng Hải	Tuyến	DC18NNA01	4.7	*Bốn điểm bảy*	
31	18572202010002	Nguyễn Thị	Ánh	DC18NNA01	4.3	*Bốn điểm ba*	

Phú Yên, ngày 01 tháng 7 năm 2022

P. TRƯỞNG PHÒNG QLCL

Huỳnh Minh Giảng

NGƯỜI NHẬP ĐIỂM

Nguyễn Văn Hoàng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM THI (THEO NHÓM)

Điểm thi học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

HỌC PHẦN: Tiếng Anh tổng hợp B2.4 **Số tín chỉ:**
Ngày thi: 20/6/2022 Ca thi: 3

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Điểm thi	Điểm chữ	Ghi chú
1	18571402310004	Huỳnh Ngọc Hiền	Anh	DC18STA01	6.1	*Sáu điểm một*	
2	18571402310001	Phạm Trọng	Bình	DC18STA01	7.2	*Bảy điểm hai*	
3	18571402310007	Ngụy Thị	Cương	DC18STA01	7.4	*Bảy điểm tư*	
4	18571402310013	Huỳnh Trương Thị Mỹ	Duyên	DC18STA01	7.6	*Bảy điểm sáu*	
5	18571402310008	Nguyễn Đàm Tâm	Đan	DC18STA01	6.0	*Sáu điểm*	
6	18571402310006	Nguyễn Thị Nhật	Miên	DC18STA01	6.4	*Sáu điểm tư*	
7	18571402310003	Phạm Quang	Minh	DC18STA01	7.3	*Bảy điểm ba*	
8	18571402310005	Dương Thị Diễm	Quyên	DC18STA01	7.6	*Bảy điểm sáu*	
9	18571402310009	Phạm Thị Vân	Thi	DC18STA01	5.5	*Năm điểm rưỡi*	

Phú Yên, ngày 01 tháng 7 năm 2022

P. TRƯỞNG PHÒNG QLCL

Huỳnh Minh Giảng

NGƯỜI NHẬP ĐIỂM

Nguyễn Văn Hoàng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM THI (THEO NHÓM)
Điểm thi học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

HỌC PHẦN: HĐ trải nghiệm sáng tạo trong tổ chức hoạt động TH **Số tín chỉ:**
Ngày thi: 20/6/2022 Ca thi: 3

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Điểm thi	Điểm chữ	Ghi chú
1	18571402010044	Nguyễn Thị Kim	Dung	DC18GMN01	9.0	*Chín điểm*	
2	18571402010043	Nguyễn Thị Mỹ	Hảo	DC18GMN01	9.5	*Chín điểm rưỡi*	
3	18571402010066	Trần Thị Kim	Hân	DC18GMN01	8.5	*Tám điểm rưỡi*	
4	18571402010001	Nguyễn Thị Thu	Hiền	DC18GMN01	9.0	*Chín điểm*	
5	18571402010002	Phan Ngọc	Hồng	DC18GMN01	8.5	*Tám điểm rưỡi*	
6	18571402010003	Nguyễn Thị	Hợp	DC18GMN01	8.0	*Tám điểm*	
7	18571402010068	Nguyễn Thị Bích	Hợp	DC18GMN01	7.5	*Bảy điểm rưỡi*	
8	18571402010026	Trần Thị	Huệ	DC18GMN01	8.0	*Tám điểm*	
9	18571402010027	Chamalé Thị	Huyền	DC18GMN01	8.5	*Tám điểm rưỡi*	
10	18571402010077	Nguyễn Thị	Lành	DC18GMN01	9.0	*Chín điểm*	
11	18571402010062	Đoàn Thị Mỹ	Liên	DC18GMN01	9.0	*Chín điểm*	
12	18571402010060	Biện Thị Diệu	Linh	DC18GMN01	9.5	*Chín điểm rưỡi*	
13	18571402010071	Nguyễn Thùy	Linh	DC18GMN01	9.0	*Chín điểm*	
14	18571402010051	Võ Kim	Lợi	DC18GMN01	8.5	*Tám điểm rưỡi*	
15	18571402010052	Cao Thị Trúc	Ly	DC18GMN01	8.5	*Tám điểm rưỡi*	
16	18571402010005	Nguyễn Thị Thu	My	DC18GMN01	8.0	*Tám điểm*	
17	18571402010048	Trần Thị Trà	My	DC18GMN01	9.0	*Chín điểm*	
18	18571402010073	Nguyễn Thị Thùy	Mỹ	DC18GMN01	8.5	*Tám điểm rưỡi*	
19	18571402010070	Phạm Thị	Nga	DC18GMN01	8.0	*Tám điểm*	
20	18571402010082	Huỳnh Thị Thanh	Ngân	DC18GMN01	8.0	*Tám điểm*	
21	18571402010080	Nguyễn Thị Thúy	Ngân	DC18GMN01	9.5	*Chín điểm rưỡi*	
22	18571402010057	Bùi Thị Mỹ	Ngọc	DC18GMN01	8.5	*Tám điểm rưỡi*	
23	18571402010031	Đỗ Thị	Ngọc	DC18GMN01	8.0	*Tám điểm*	
24	18571402010067	Nguyễn Thị Như	Ngọc	DC18GMN01	8.5	*Tám điểm rưỡi*	
25	18571402010028	Nguyễn Hồng	Nguyên	DC18GMN01	9.5	*Chín điểm rưỡi*	
26	18571402010032	Mông Thị Minh	Nguyệt	DC18GMN01	8.5	*Tám điểm rưỡi*	
27	18571402010007	Ngô Thị ánh	Nguyệt	DC18GMN01	8.0	*Tám điểm*	
28	18571402010038	Lê Phạm Quỳnh	Như	DC18GMN01	9.5	*Chín điểm rưỡi*	
29	18571402010019	Nguyễn Thị Thanh	Nhường	DC18GMN01	9.0	*Chín điểm*	
30	18571402010055	Lê Mô Hờ	Phai	DC18GMN01	9.5	*Chín điểm rưỡi*	
31	18571402010009	Trần Thị Xuân	Phấn	DC18GMN01	8.5	*Tám điểm rưỡi*	
32	18571402010047	Đặng Thị Thúy	Phương	DC18GMN01	8.0	*Tám điểm*	
33	18571402010024	Trịnh Thị Mỹ	Phương	DC18GMN01	7.5	*Bảy điểm rưỡi*	
34	18571402010010	Trần Thị Mỹ	Quyên	DC18GMN01	8.5	*Tám điểm rưỡi*	
35	18571402010033	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	DC18GMN01	9.0	*Chín điểm*	
36	18571402010030	Trần Thị Quế	Sâm	DC18GMN01	9.0	*Chín điểm*	
37	18571402010042	Trương Thị Bích	Sen	DC18GMN01	8.5	*Tám điểm rưỡi*	
38	18571402010040	Dương Thị Kim	Soan	DC18GMN01	8.5	*Tám điểm rưỡi*	
39	18571402010078	Nguyễn Thị Kim	Thanh	DC18GMN01	9.0	*Chín điểm*	
40	18571402010013	Nguyễn Phương	Thảo	DC18GMN01	9.0	*Chín điểm*	
41	18571402010050	Nguyễn Thị Diệu	Thảo	DC18GMN01	9.0	*Chín điểm*	

42	18571402010053	Nguyễn Thị Thu	Thảo	DC18GMN01	8.5	*Tám điểm rưỡi*	
43	18571402010012	Phan Thị	Thắm	DC18GMN01	9.0	*Chín điểm*	
44	18571402010025	Trần Thị Xuân	Thơ	DC18GMN01	8.0	*Tám điểm*	
45	18571402010014	Lê Thị Phương	Thu	DC18GMN01	9.0	*Chín điểm*	
46	18571402010045	Đặng Thị Minh	Thùy	DC18GMN01	8.5	*Tám điểm rưỡi*	
47	18571402010037	Nguyễn Võ Thị	Thùy	DC18GMN01	8.0	*Tám điểm*	
48	18571402010058	Lê Thị Thu	Trang	DC18GMN01	9.0	*Chín điểm*	
49	18571402010029	Phạm Thanh Huyền	Trang	DC18GMN01	0.0	*Không điểm*	Vắng thi
50	18571402010063	Đặng Thị Bích	Trâm	DC18GMN01	8.0	*Tám điểm*	
51	18571402010049	Châu Thị Nhã	Văn	DC18GMN01	9.0	*Chín điểm*	
52	18571402010022	Đào Thị Kim	Vy	DC18GMN01	8.0	*Tám điểm*	
53	18571402010056	Ngô Võ Ngọc	Xuân	DC18GMN01	9.0	*Chín điểm*	

Phú Yên, ngày 28 tháng 6 năm 2022

P. TRƯỞNG PHÒNG QLCL

Huỳnh Minh Giảng

NGƯỜI NHẬP ĐIỂM

Nguyễn Văn Hoàng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM THI (THEO NHÓM)
Điểm thi học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

HỌC PHẦN: PPDH Tiếng Việt ở TH theo định hướng phát triển năng lực **Số tín chỉ:**
Ngày thi: 20/6/2022 Ca thi: 3

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Điểm thi	Điểm chữ	Ghi chú
1	18571402020060	Nguyễn Thị Mỹ	Anh	DC18GTH01	5.3	*Năm điểm ba*	
2	18571402020057	Trần Thị Lan	Anh	DC18GTH01	5.8	*Năm điểm tám*	
3	18571402020027	Lê Trịnh Hồng	Ánh	DC18GTH01	7.0	*Bảy điểm*	
4	18571402020001	Nguyễn Ngọc Minh	Châu	DC18GTH01	8.3	*Tám điểm ba*	
5	18571402020029	Nguyễn Thị Bảo	Châu	DC18GTH01	7.3	*Bảy điểm ba*	
6	18571402020002	Nguyễn Ái	Chi	DC18GTH01	6.3	*Sáu điểm ba*	
7	18571402020036	Đặng Thanh	Dung	DC18GTH01	9.3	*Chín điểm ba*	
8	18571402020043	Nguyễn Thành	Đạt	DC18GTH01	6.3	*Sáu điểm ba*	
9	18571402020004	Phạm Thị Phương	Hà	DC18GTH01	7.0	*Bảy điểm*	
10	18571402020005	Đinh Thị	Hạnh	DC18GTH01	7.0	*Bảy điểm*	
11	18571402020024	Hồ Thị Thúy	Hằng	DC18GTH01	8.0	*Tám điểm*	
12	18571402020052	Trần Thị Thúy	Hằng	DC18GTH01	8.3	*Tám điểm ba*	
13	18571402020006	Đoàn Thị Hoàng	Hậu	DC18GTH01	7.3	*Bảy điểm ba*	
14	18571402020022	Lê Thị Thu	Hiền	DC18GTH01	6.8	*Sáu điểm tám*	
15	18571402020028	Trần Thị Thu	Hiền	DC18GTH01	7.5	*Bảy điểm rưỡi*	
16	18571402020061	Phạm Phong	Hoài	DC18GTH01	7.5	*Bảy điểm rưỡi*	
17	18571402020059	Tống Thanh	Huy	DC18GTH01	6.5	*Sáu điểm rưỡi*	
18	18571402020063	Trần Thị Thu	Huyền	DC18GTH01	6.8	*Sáu điểm tám*	
19	18571402020045	Chế Thị Anh	Kiều	DC18GTH01	8.5	*Tám điểm rưỡi*	
20	18571402020044	Ngô Thị Ái	Linh	DC18GTH01	7.0	*Bảy điểm*	
21	18571402020040	Nguyễn Phương	Linh	DC18GTH01	7.5	*Bảy điểm rưỡi*	
22	18571402020039	Trần Thị Mỹ	Nga	DC18GTH01	8.3	*Tám điểm ba*	
23	18571402020047	Huỳnh Thị Thanh	Ngân	DC18GTH01	9.3	*Chín điểm ba*	
24	18571402020030	Phạm Lâm	Ngân	DC18GTH01	7.3	*Bảy điểm ba*	
25	18571402020051	Tôn Nữ Bảo	Ngọc	DC18GTH01	8.5	*Tám điểm rưỡi*	
26	18571402020050	Nguyễn Trần Kiều	Oanh	DC18GTH01	7.5	*Bảy điểm rưỡi*	
27	18571402020033	Ngô Hiền Diễm	Phúc	DC18GTH01	5.5	*Năm điểm rưỡi*	
28	18571402020026	Võ Thị Mỹ	Phương	DC18GTH01	7.8	*Bảy điểm tám*	
29	18571402020010	Huỳnh Nhất	Quý	DC18GTH01	6.8	*Sáu điểm tám*	
30	18571402020011	Dương Thị Tố	Quyên	DC18GTH01	7.3	*Bảy điểm ba*	
31	18571402020048	Trần Thị Linh	Quyên	DC18GTH01	7.5	*Bảy điểm rưỡi*	
32	18571402020016	Dương Thị Thanh	Thanh	DC18GTH01	8.8	*Tám điểm tám*	
33	18571402020042	Nguyễn Thị Thu	Thảo	DC18GTH01	6.8	*Sáu điểm tám*	
34	18571402020015	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	DC18GTH01	7.0	*Bảy điểm*	
35	18571402020058	Trần Thị Kim	Thi	DC18GTH01	0.0	*Không điểm*	Vắng thi
36	18571402020031	Võ Thị Minh	Thoa	DC18GTH01	7.3	*Bảy điểm ba*	
37	18571402020034	Hà Huyền	Trâm	DC18GTH01	7.5	*Bảy điểm rưỡi*	
38	18571402020049	Nguyễn Thị Nhũ	Trâm	DC18GTH01	7.5	*Bảy điểm rưỡi*	
39	18571402020062	Phan Tú	Trinh	DC18GTH01	8.5	*Tám điểm rưỡi*	
40	18571402020018	Phạm Lê Thanh	Trúc	DC18GTH01	8.3	*Tám điểm ba*	

41	18571402020019	Nguyễn Như	Tú	DC18GTH01	6.8	*Sáu điểm tám*	
42	18571402020035	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	DC18GTH01	7.3	*Bảy điểm ba*	
43	18571402020054	Đào Thị Ngọc	Tuyền	DC18GTH01	6.8	*Sáu điểm tám*	
44	19571402020025	Võ Thị Thu	Uyên	DC19GTH01	8.3	*Tám điểm ba*	
45	18571402020038	Trương Thúy	Vy	DC18GTH01	6.0	*Sáu điểm*	
46	18571402020020	Nguyễn Thị	Xuân	DC18GTH01	9.3	*Chín điểm ba*	

Phú Yên, ngày 11 tháng 7 năm 2022

P. TRƯỞNG PHÒNG QLCL

Huỳnh Minh Giảng

NGƯỜI NHẬP ĐIỂM

Nguyễn Văn Hoàng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM THI (THEO NHÓM)

Điểm thi học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

HỌC PHẦN: Lý thuyết đồng dư và áp dụng **Số tín chỉ:**
Ngày thi: 20/6/2022 Ca thi: 3

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Điểm thi	Điểm chữ	Ghi chú
1	18571402090006	Lê Anh	Bằng	DC18STO01	9.8	*Chín điểm tám*	
2	18571402090003	Vũ Thị Thùy	Linh	DC18STO01	9.5	*Chín điểm rưỡi*	
3	18571402090004	Nguyễn Thị Hồng	Nhạc	DC18STO01	5.5	*Năm điểm rưỡi*	
4	18571402090010	Nguyễn Mai	Ny	DC18STO01	7.0	*Bảy điểm*	
5	20571402090004	Lê Đăng	Tú	DC20STO01	6.8	*Sáu điểm tám*	

Phú Yên, ngày 23 tháng 6 năm 2022

P. TRƯỞNG PHÒNG QLCL

Huỳnh Minh Giảng

NGƯỜI NHẬP ĐIỂM

Nguyễn Văn Hoàng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM THI (THEO NHÓM)

Điểm thi học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

HỌC PHẦN: Tổ chức và quản lý hoạt động văn hóa **Số tín chỉ:**
Ngày thi: 20/6/2022 Ca thi: 3

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Điểm thi	Điểm chữ	Ghi chú
1	18572201130004	Trần Thị Cẩm	Giang	DC18VNH01	8.5	*Tám điểm rưỡi*	
2	18572201130005	Trương Phương	Hằng	DC18VNH01	8.5	*Tám điểm rưỡi*	
3	18572201130008	Nguyễn Trọng	Hiếu	DC18VNH01	8.5	*Tám điểm rưỡi*	
4	18572201130009	Trần Nguyễn Phúc	Hiếu	DC18VNH01	8.0	*Tám điểm*	
5	18572201130036	Đặng Thị Kim	Hoa	DC18VNH01	8.0	*Tám điểm*	
6	18572201130039	Bùi Đăng	Khang	DC18VNH01	7.0	*Bảy điểm*	
7	18572201130037	Đặng Thị Thu	Luận	DC18VNH01	8.5	*Tám điểm rưỡi*	
8	18572201130019	Lê Minh	Quang	DC18VNH01	8.0	*Tám điểm*	
9	18572201130023	Phạm Vi Vy	Thanh	DC18VNH01	8.0	*Tám điểm*	
10	18572201130025	Trần Thị Kim	Thảo	DC18VNH01	8.0	*Tám điểm*	
11	18572201130026	Nguyễn Thị Kim	Thoa	DC18VNH01	0.0	*Không điểm*	Vắng thi
12	18572201130034	Mai Thị Phương	Uyên	DC18VNH01	9.0	*Chín điểm*	

Phú Yên, ngày 29 tháng 6 năm 2022

P. TRƯỞNG PHÒNG QLCL

Huỳnh Minh Giảng

NGƯỜI NHẬP ĐIỂM

Nguyễn Văn Hoàng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM THI (THEO NHÓM)
Điểm thi học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học/Nhóm: Hệ thống thông tin quản lý — Số tín chỉ: 2
Ngày thi: 22/06/2022 — Ca thi: 3

TT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên Lớp	Điểm Thi	Điểm chữ	Ghi chú
1	18574802010049	Trịnh Xuân	Bảo	DC18CTT01	8,0	Tám điểm	
2	18574802010005	Cao Thị Thu	Dân	DC18CTT01	7,5	Bảy điểm rưỡi	
3	18574802010008	Nguyễn Trọng	Định	DC18CTT01	7,0	Bảy điểm	
4	18574802010012	Mã Thị Hồng	Hạnh	DC18CTT01	7,0	Bảy điểm	
5	18574802010014	Nguyễn Phước	Hòa	DC18CTT01	7,5	Bảy điểm rưỡi	
6	18574802010016	Nại Thành	Hoàng	DC18CTT01	7,0	Bảy điểm	
7	18574802010019	Trần Đức	Huy	DC18CTT01	6,5	Sáu điểm rưỡi	
8	18574802010023	Nguyễn Hiền	Luân	DC18CTT01	7,0	Bảy điểm	
9	18574802010025	Trần Thị Bích	Mận	DC18CTT01	7,5	Bảy điểm rưỡi	
10	18574802010055	Lê Thị Thu	Sa	DC18CTT01	8,0	Tám điểm	
11	18574802010059	Đặng Thái	Tài	DC18CTT01	6,5	Sáu điểm rưỡi	
12	155D4802010043	Lê Kim	Tân	DC18CTT01	7,0	Bảy điểm	
13	18574802010035	Nguyễn Duy	Tân	DC18CTT01	7,5	Bảy điểm rưỡi	
14	18574802010037	Lê Đức	Thịnh	DC18CTT01	7,5	Bảy điểm rưỡi	
15	18574802010056	Nguyễn Minh	Thọ	DC18CTT01	7,5	Bảy điểm rưỡi	
16	18574802010039	Kiều Công	Tiến	DC18CTT01	7,5	Bảy điểm rưỡi	
17	18574802010041	Lê Nguyên	Trung	DC18CTT01	7,0	Bảy điểm	
18	18574802010042	Phạm Minh	Tú	DC18CTT01	0,0	Không điểm	Vắng
19	18574802010046	Bùi Văn	Vương	DC18CTT01	0,0	Không điểm	Vắng
20	18574802010001	Ngô Lương Thị	Ái	DC18CTT01	7,0	Bảy điểm	

Phú Yên, ngày 04 tháng 07 năm 2022

Phòng Quản lý chất lượng

Huỳnh Minh Giảng

Người nhập điểm

Huỳnh Thị Oanh

TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM THI (THEO NHÓM)
Điểm thi học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học/Nhóm: Tiếng Anh Tổng hợp C1.3 — Số tín chỉ: 4
Ngày thi: 22/06/2022 — Ca thi: 3

TT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên Lớp	Điểm Thi	Điểm chữ	Ghi chú
1	18572202010005	Trần Quốc	Bảo	DC18NNA01	8,5	Tám điểm rưỡi	
2	18572202010062	Nguyễn Thị Bích	Bình	DC18NNA01	7,9	Bảy điểm tám	
3	18572202010009	Nguyễn Khánh	Duy	DC18NNA01	7,2	Bảy điểm hai	
4	18572202010064	Võ Đức Thái	Dương	DC18NNA01	7,4	Bảy điểm tư	
5	18572202010007	Huỳnh Tấn	Đạt	DC18NNA01	7,7	Bảy điểm bảy	
6	18572202010008	Võ Văn	Đoan	DC18NNA01	7,8	Bảy điểm tám	
7	18572202010013	Lương Thị Ngọc	Hiền	DC18NNA01	7,6	Bảy điểm sáu	
8	18572202010065	Lê Huỳnh	Hòa	DC18NNA01	7,5	Bảy điểm rưỡi	
9	18572202010067	Đỗ Ngọc	Huy	DC18NNA01	7,7	Bảy điểm bảy	
10	18572202010014	Lê Văn	Hưng	DC18NNA01	7,9	Bảy điểm chín	
11	18572202010068	Nguyễn Thị Xuân	Kiều	DC18NNA01	7,9	Bảy điểm chín	
12	18572202010018	Dương Thị Mỹ	Loan	DC18NNA01	8,2	Tám điểm hai	
13	18572202010019	Huỳnh Thị Đài	Loan	DC18NNA01	8,2	Tám điểm hai	
14	18572202010021	Nguyễn Thị Bích	Ly	DC18NNA01	8,2	Tám điểm hai	
15	18572202010025	Lương Thị Kiều	Mỹ	DC18NNA01	8,3	Tám điểm ba	
16	18572202010026	Đặng Thị Phương	Nga	DC18NNA01	7,6	Bảy điểm sáu	
17	18572202010029	Nguyễn Ngọc Hoàng	Ngân	DC18NNA01	7,9	Bảy điểm chín	
18	18572202010069	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	DC19NNA01	7,0	Bảy điểm	
19	18572202010034	Trần Thị Anh	Phương	DC18NNA01	7,4	Bảy điểm tư	
20	18572202010037	Huỳnh Thị Tú	Quyên	DC18NNA01	7,8	Bảy điểm tám	
21	18572202010038	Tôn Cao Lệ	Quyên	DC18NNA01	8,0	Tám điểm	
22	18572202010077	Nguyễn Văn Quốc	Thịnh	DC18NNA01	8,5	Tám điểm rưỡi	
23	18572202010044	Võ Thị Thanh	Thoại	DC18NNA01	7,8	Bảy điểm tám	
24	18572202010045	Văn Thị Xuân	Thoi	DC18NNA01	7,7	Bảy điểm sáu	
25	17552220201081	Nguyễn Thị Anh	Thơ	DC18NNA01	0,0	Không điểm	Vắng
26	18572202010047	Phạm Lê	Thúy	DC18NNA01	0,0	Không điểm	Vắng
27	18572202010046	Nguyễn Thị Kim	Thương	DC18NNA01	8,0	Tám điểm	
28	18572202010048	Bùi Nguyễn Hoài	Trâm	DC18NNA01	8,4	Tám điểm tư	
29	18572202010071	Phan Nhật	Trung	DC18NNA01	7,8	Bảy điểm tám	
30	18572202010076	Nguyễn Hoàng Hải	Tuyến	DC18NNA01	7,9	Bảy điểm chín	
31	18572202010002	Nguyễn Thị	Ánh	DC18NNA01	7,5	Bảy điểm rưỡi	

Phú Yên, ngày 30 tháng 06 năm 2022

Phòng Quản lý chất lượng

Huỳnh Minh Giảng

Người nhập điểm

Huỳnh Thị Oanh

TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM THI (THEO NHÓM)

Điểm thi học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: Kể chuyện trong GD Tiếng Anh TH và các trò chơi tương tác — Số tín chỉ: 2

Ngày thi: 22/06/2022 — Ca thi: 3

TT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên Lớp	Điểm Thi	Điểm chữ	Ghi chú
1	18571402310004	Huỳnh Ngọc Hiền	Anh	DC18STA01	8,5	Tám điểm rưỡi	
2	18571402310001	Phạm Trọng	Bình	DC18STA01	8,0	Tám điểm	
3	18571402310007	Ngụy Thị	Cương	DC18STA01	8,5	Tám điểm rưỡi	
4	18571402310013	Huỳnh Trương Thị Mỹ	Duyên	DC18STA01	8,0	Tám điểm	
5	18571402310008	Nguyễn Đàm Tâm	Đan	DC18STA01	8,0	Tám điểm	
6	18571402310006	Nguyễn Thị Nhật	Miên	DC18STA01	7,5	Bảy điểm rưỡi	
7	18571402310003	Phạm Quang	Minh	DC18STA01	8,5	Tám điểm rưỡi	
8	18571402310005	Dương Thị Diễm	Quyên	DC18STA01	8,5	Tám điểm rưỡi	
9	18571402310009	Phạm Thị Vân	Thi	DC18STA01	7,5	Bảy điểm rưỡi	

Phú Yên, ngày 30 tháng 06 năm 2022

Phòng Quản lý chất lượng

Huỳnh Minh Giảng

Người nhập điểm

Huỳnh Thị Oanh

TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM THI (THEO NHÓM)
Điểm thi học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học/Nhóm: Nghề giáo viên Mầm non — Số tín chỉ: 2
Ngày thi: 22/06/2022 — Ca thi: 3

TT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên Lớp	Điểm Thi	Điểm chữ	Ghi chú
1	18571402010044	Nguyễn Thị Kim	Dung	DC18GMN01	7,0	Bảy điểm	
2	18571402010043	Nguyễn Thị Mỹ	Hảo	DC18GMN01	8,5	Tám điểm rưỡi	
3	18571402010066	Trần Thị Kim	Hân	DC18GMN01	7,0	Bảy điểm	
4	18571402010001	Nguyễn Thị Thu	Hiền	DC18GMN01	7,5	Bảy điểm rưỡi	
5	18571402010002	Phan Ngọc	Hồng	DC18GMN01	8,0	Tám điểm	
6	18571402010003	Nguyễn Thị	Hợp	DC18GMN01	7,5	Bảy điểm rưỡi	
7	18571402010068	Nguyễn Thị Bích	Hợp	DC18GMN01	7,5	Bảy điểm rưỡi	
8	18571402010026	Trần Thị	Huệ	DC18GMN01	7,0	Bảy điểm	
9	18571402010027	Chamalé Thị	Huyền	DC18GMN01	7,5	Bảy điểm rưỡi	
10	18571402010077	Nguyễn Thị	Lành	DC18GMN01	6,0	Sáu điểm	
11	18571402010062	Đoàn Thị Mỹ	Liên	DC18GMN01	7,5	Bảy điểm rưỡi	
12	18571402010060	Biện Thị Diệu	Linh	DC18GMN01	7,5	Bảy điểm rưỡi	
13	18571402010071	Nguyễn Thùy	Linh	DC18GMN01	7,5	Bảy điểm rưỡi	
14	18571402010051	Võ Kim	Lợi	DC18GMN01	6,5	Sáu điểm rưỡi	
15	18571402010052	Cao Thị Trúc	Ly	DC18GMN01	7,5	Bảy điểm rưỡi	
16	18571402010005	Nguyễn Thị Thu	My	DC18GMN01	7,0	Bảy điểm	
17	18571402010048	Trần Thị Trà	My	DC18GMN01	8,5	Tám điểm rưỡi	
18	18571402010073	Nguyễn Thị Thùy	Mỹ	DC18GMN01	7,5	Bảy điểm rưỡi	
19	18571402010070	Phạm Thị	Nga	DC18GMN01	7,0	Bảy điểm	
20	18571402010082	Huỳnh Thị Thanh	Ngân	DC18GMN01	7,0	Bảy điểm	
21	18571402010080	Nguyễn Thị Thúy	Ngân	DC18GMN01	8,0	Tám điểm	
22	18571402010057	Bùi Thị Mỹ	Ngọc	DC18GMN01	8,0	Tám điểm	
23	18571402010031	Đỗ Thị	Ngọc	DC18GMN01	6,5	Sáu điểm rưỡi	
24	18571402010067	Nguyễn Thị Như	Ngọc	DC18GMN01	4,5	Bốn điểm rưỡi	
25	18571402010028	Nguyễn Hồng	Nguyên	DC18GMN01	9,5	Chín điểm rưỡi	
26	18571402010032	Mông Thị Minh	Nguyệt	DC18GMN01	6,0	Sáu điểm	
27	18571402010007	Ngô Thị ánh	Nguyệt	DC18GMN01	6,0	Sáu điểm	
28	18571402010038	Lê Phạm Quỳnh	Như	DC18GMN01	6,0	Sáu điểm	
29	18571402010019	Nguyễn Thị Thanh	Nhường	DC18GMN01	9,0	Chín điểm	
30	18571402010055	Lê Mô Hờ	Phai	DC18GMN01	7,0	Bảy điểm	
31	18571402010009	Trần Thị Xuân	Phấn	DC18GMN01	6,0	Sáu điểm	
32	18571402010047	Đặng Thị Thúy	Phương	DC18GMN01	8,0	Tám điểm	
33	18571402010024	Trịnh Thị Mỹ	Phương	DC18GMN01	5,5	Năm điểm rưỡi	
34	18571402010010	Trần Thị Mỹ	Quyên	DC18GMN01	8,0	Tám điểm	
35	18571402010033	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	DC18GMN01	9,0	Chín điểm	
36	18571402010030	Trần Thị Quế	Sâm	DC18GMN01	7,5	Bảy điểm rưỡi	
37	18571402010042	Trương Thị Bích	Sen	DC18GMN01	8,0	Tám điểm	
38	18571402010040	Dương Thị Kim	Soan	DC18GMN01	6,5	Sáu điểm rưỡi	
39	18571402010078	Nguyễn Thị Kim	Thanh	DC18GMN01	5,5	Năm điểm rưỡi	
40	18571402010013	Nguyễn Phương	Thảo	DC18GMN01	7,5	Bảy điểm rưỡi	

TT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên Lớp	Điểm Thi	Điểm chữ	Ghi chú
41	18571402010050	Nguyễn Thị Diệu	Thảo	DC18GMN01	9,0	Chín điểm	
42	18571402010053	Nguyễn Thị Thu	Thảo	DC18GMN01	8,0	Tám điểm	
43	18571402010012	Phan Thị	Thắm	DC18GMN01	8,5	Tám điểm rưỡi	
44	18571402010025	Trần Thị Xuân	Thơ	DC18GMN01	7,5	Bảy điểm rưỡi	
45	18571402010014	Lê Thị Phương	Thu	DC18GMN01	7,5	Bảy điểm rưỡi	
46	18571402010045	Đặng Thị Minh	Thùy	DC18GMN01	7,0	Bảy điểm	
47	18571402010037	Nguyễn Võ Thị	Thùy	DC18GMN01	6,5	Sáu điểm rưỡi	
48	18571402010058	Lê Thị Thu	Trang	DC18GMN01	5,5	Năm điểm rưỡi	
49	18571402010029	Phạm Thanh Huyền	Trang	DC18GMN01	6,0	Sáu điểm	
50	18571402010063	Đặng Thị Bích	Trâm	DC18GMN01	7,5	Bảy điểm rưỡi	
51	18571402010049	Châu Thị Nhã	Văn	DC18GMN01	7,0	Bảy điểm	
52	18571402010022	Đào Thị Kim	Vy	DC18GMN01	8,0	Tám điểm	
53	18571402010056	Ngô Võ Ngọc	Xuân	DC18GMN01	6,5	Sáu điểm rưỡi	

Phú Yên, ngày 04 tháng 07 năm 2022

Phòng Quản lý chất lượng

Huỳnh Minh Giảng

Người nhập điểm

Huỳnh Thị Oanh

TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM THI (THEO NHÓM)
Điểm thi học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: PPDH Toán ở Tiểu học theo theo định hướng phát triển năng lực — Số tín chỉ: 2
Ngày thi: 22/06/2022 — Ca thi: 3

TT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên Lớp	Điểm Thi	Điểm chữ	Ghi chú
1	18571402020060	Nguyễn Thị Mỹ	Anh	DC18GTH01	6,0	Sáu điểm	
2	18571402020057	Trần Thị Lan	Anh	DC18GTH01	7,5	Bảy điểm rưỡi	
3	18571402020027	Lê Trịnh Hồng	ánh	DC18GTH01	8,5	Tám điểm rưỡi	
4	18571402020001	Nguyễn Ngọc Minh	Châu	DC18GTH01	7,5	Bảy điểm rưỡi	
5	18571402020029	Nguyễn Thị Bảo	Châu	DC18GTH01	6,5	Sáu điểm rưỡi	
6	18571402020002	Nguyễn Ái	Chi	DC18GTH01	7,0	Bảy điểm	
7	18571402020036	Đặng Thanh	Dung	DC18GTH01	8,0	Tám điểm	
8	18571402020043	Nguyễn Thành	Đạt	DC18GTH01	7,0	Bảy điểm	
9	18571402020004	Phạm Thị Phương	Hà	DC18GTH01	6,5	Sáu điểm rưỡi	
10	18571402020005	Đinh Thị	Hạnh	DC18GTH01	8,5	Tám điểm rưỡi	
11	18571402020024	Hồ Thị Thúy	Hằng	DC18GTH01	9,0	Chín điểm	
12	18571402020052	Trần Thị Thúy	Hằng	DC18GTH01	7,5	Bảy điểm rưỡi	
13	18571402020006	Đoàn Thị Hoàng	Hậu	DC18GTH01	7,0	Bảy điểm	
14	18571402020022	Lê Thị Thu	Hiền	DC18GTH01	6,5	Sáu điểm rưỡi	
15	18571402020028	Trần Thị Thu	Hiền	DC18GTH01	6,5	Sáu điểm rưỡi	
16	18571402020061	Phạm Phong	Hoài	DC18GTH01	6,5	Sáu điểm rưỡi	
17	18571402020059	Tống Thanh	Huy	DC18GTH01	6,0	Sáu điểm	
18	18571402020063	Trần Thị Thu	Huyền	DC18GTH01	6,5	Sáu điểm rưỡi	
19	18571402020045	Chế Thị Anh	Kiều	DC18GTH01	9,0	Chín điểm	
20	18571402020044	Ngô Thị Ái	Linh	DC18GTH01	6,5	Sáu điểm rưỡi	
21	18571402020040	Nguyễn Phương	Linh	DC18GTH01	6,5	Sáu điểm rưỡi	
22	18571402020039	Trần Thị Mỹ	Nga	DC18GTH01	6,5	Sáu điểm rưỡi	
23	18571402020047	Huỳnh Thị Thanh	Ngân	DC18GTH01	8,5	Tám điểm rưỡi	
24	18571402020030	Phạm Lâm	Ngân	DC18GTH01	7,0	Bảy điểm	
25	18571402020051	Tôn Nữ Bảo	Ngọc	DC18GTH01	7,0	Bảy điểm	
26	18571402020050	Nguyễn Trần Kiều	Oanh	DC18GTH01	7,0	Bảy điểm	
27	18571402020033	Ngô Hiền Diễm	Phúc	DC18GTH01	8,0	Tám điểm	
28	18571402020026	Võ Thị Mỹ	Phương	DC18GTH01	6,0	Sáu điểm	
29	18571402020010	Huỳnh Nhất	Quý	DC18GTH01	6,5	Sáu điểm rưỡi	
30	18571402020011	Dương Thị Tố	Quyên	DC18GTH01	7,5	Bảy điểm rưỡi	
31	18571402020048	Trần Thị Linh	Quyên	DC18GTH01	7,5	Bảy điểm rưỡi	
32	18571402020016	Dương Thị Thanh	Thanh	DC18GTH01	8,0	Tám điểm	
33	18571402020042	Nguyễn Thị Thu	Thảo	DC18GTH01	5,5	Năm điểm rưỡi	
34	18571402020015	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	DC18GTH01	7,5	Bảy điểm rưỡi	
35	18571402020058	Trần Thị Kim	Thi	DC18GTH01	0,0	Không điểm	Vắng
36	18571402020031	Võ Thị Minh	Thoa	DC18GTH01	8,5	Tám điểm rưỡi	
37	18571402020034	Hà Huyền	Trâm	DC18GTH01	5,0	Năm điểm	
38	18571402020049	Nguyễn Thị Nhũ	Trâm	DC18GTH01	8,5	Tám điểm rưỡi	
39	18571402020062	Phan Tú	Trinh	DC18GTH01	6,0	Sáu điểm	
40	18571402020018	Phạm Lê Thanh	Trúc	DC18GTH01	8,0	Tám điểm	
41	18571402020019	Nguyễn Như	Tú	DC18GTH01	8,0	Tám điểm	
42	18571402020035	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	DC18GTH01	7,0	Bảy điểm	

TT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên Lớp	Điểm Thi	Điểm chữ	Ghi chú
43	18571402020054	Đào Thị Ngọc	Tuyền	DC18GTH01	7,0	Bảy điểm	
44	19571402020025	Võ Thị Thu	Uyên	DC19GTH01	7,5	Bảy điểm rưỡi	
45	18571402020038	Trương Thúy	Vy	DC18GTH01	6,5	Sáu điểm rưỡi	
46	18571402020020	Nguyễn Thị	Xuân	DC18GTH01	8,0	Tám điểm	

Phú Yên, ngày 01 tháng 07 năm 2022

Phòng Quản lý chất lượng

Huỳnh Minh Giảng

Người nhập điểm

Huỳnh Thị Oanh

TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM THI (THEO NHÓM)
Điểm thi học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: Phương trình hàm — Số tín chỉ: 3
Ngày thi: 22/06/2022 — Ca thi: 3

TT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên Lớp	Điểm Thi	Điểm chữ	Ghi chú
1	18571402090006	Lê Anh	Bằng	DC18STO01	9,5	chín điểm rưỡi	
2	18571402090003	Vũ Thị Thùy	Linh	DC18STO01	9,5	chín điểm rưỡi	
3	18571402090004	Nguyễn Thị Hồng	Nhạc	DC18STO01	8,0	tám điểm	
4	18571402090010	Nguyễn Mai	Ny	DC18STO01	8,0	tám điểm	

Phú Yên, ngày 29 tháng 06 năm 2022

Phòng Quản lý chất lượng

Huỳnh Minh Giảng

Người nhập điểm

Huỳnh Thị Oanh

TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM THI (THEO NHÓM)
Điểm thi học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học/Nhóm: Lập trình mạng — **Số tín chỉ: 3**
Ngày thi: 22/6/2022 — **Ca thi: 1**

TT	Mã SV	Họ và Tên		Tên Lớp	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	19574802010027	Sipaserd	Amnad	DC19CTT01	9.0	*Chín điểm*	
2	19574802010001	Trần Phạm Minh	Anh	DC19CTT01	6.0	*Sáu điểm*	
3	19574802010002	Trần Quốc	Bảo	DC19CTT01	5.0	*Năm điểm*	
4	19574802010003	Đặng Minh	Châu	DC19CTT01	4.0	*Bốn điểm*	
5	19574802010028	Louangphomsopha	Chilasak	DC19CTT01	9.0	*Chín điểm*	
6	19574802010017	Huỳnh Lê Khánh	Duy	DC19CTT01	6.0	*Sáu điểm*	
7	19574802010018	Nguyễn Huỳnh Ngọc	Hải	DC19CTT01	4.0	*Bốn điểm*	
8	19574802010004	Nguyễn Thị Nguyên	Khương	DC19CTT01	9.0	*Chín điểm*	
9	19574802010005	Trần Duy	Linh	DC19CTT01	8.5	*Tám điểm rưỡi*	
10	19574802010006	Nguyễn Thị Phúc	Loan	DC19CTT01	9.0	*Chín điểm*	
11	19574802010023	Huỳnh Kim	Luân	DC19CTT01	4.5	*Bốn điểm rưỡi*	
12	18574802010028	Văn Nguyễn Hữu	Nghĩa	DC19CTT01	3.0	*Ba điểm*	
13	19574802010007	Trần Thị Thùy	Nhiên	DC19CTT01	5.0	*Năm điểm*	
14	19574802010029	Ouphasakda	Pathoumma	DC19CTT01	9.0	*Chín điểm*	
15	17552480201097	Huỳnh Đức	Phất	DC17CTT01	4.0	*Bốn điểm*	
16	19574802010009	Phan Đặng Hoàng	Phúc	DC19CTT01	5.5	*Năm điểm rưỡi*	
17	19574802010030	Thongmaha	Soutthida	DC19CTT01	4.0	*Bốn điểm*	
18	19574802010011	Nguyễn Minh	Thịnh	DC19CTT01	8.5	*Tám điểm rưỡi*	
19	19574802010012	Lê Anh	Thương	DC19CTT01	6.5	*Sáu điểm rưỡi*	
20	19574802010024	Huỳnh Đức	Tiến	DC19CTT01	0.0	*Không điểm*	Vắng
21	19574802010013	Mai Thanh	Tiện	DC19CTT01	4.5	*Bốn điểm rưỡi*	
22	19574802010014	Trần Tấn	Toán	DC19CTT01	0.0	*Không điểm*	Vắng
23	19574802010015	Lê Nguyễn Mạnh	Tuấn	DC19CTT01	5.5	*Năm điểm rưỡi*	
24	19574802010025	Phan Văn	Việt	DC19CTT01	2.0	*Hai điểm*	

Phú Yên, ngày 12 tháng 7 năm 2022

Phòng Quản lý chất lượng

Huỳnh Minh Giảng

Người nhập điểm

Đào Anh Xuân

TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM THI (THEO NHÓM)

Điểm thi học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học/Nhóm: Đất nước học Mỹ — **Số tín chỉ: 2**

Ngày thi: 22/6/2022 — **Ca thi: 1**

TT	Mã SV	Họ và Tên		Tên Lớp	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	211NNA032	Nguyễn Thanh	Danh	DC21NNA01	5.5	*Năm điểm rưỡi*	
2	19572202010002	Trần Thị Thu	Diệp	DC19NNA01	5.5	*Năm điểm rưỡi*	
3	19572202010003	Lý Đăng	Dương	DC19NNA01	7.0	*Bảy điểm*	
4	19572202010015	Vũ Hồ Vy	Đan	DC19NNA01	8.0	*Tám điểm*	
5	19571402310010	Lê Nguyễn Phương	Hảo	DC19STA01	7.5	*Bảy điểm rưỡi*	
6	19572202010005	Nguyễn Thị Hoàng	Hảo	DC19NNA01	6.0	*Sáu điểm*	
7	19571402310001	Trần Thị Mỹ	Hảo	DC19STA01	5.5	*Năm điểm rưỡi*	
8	19572202010004	Lê Thị Ngọc	Hân	DC19NNA01	6.0	*Sáu điểm*	
9	19572202010007	Lê Thị Ngọc	Hiền	DC19NNA01	6.5	*Sáu điểm rưỡi*	
10	19572202010006	Nguyễn Thị	Hiền	DC19NNA01	5.5	*Năm điểm rưỡi*	
11	19572202010018	Nguyễn Thị Thu	Hiền	DC19NNA01	4.5	*Bốn điểm rưỡi*	
12	19572202010016	Lê Thị Ngọc	Huệ	DC19NNA01	4.0	*Bốn điểm*	
13	19572202010024	Hà Thị Mỹ	Hương	DC19NNA01	4.0	*Bốn điểm*	
14	19571402310005	Nguyễn Thị Kim	Lài	DC19STA01	7.0	*Bảy điểm*	
15	19572202010008	Nguyễn Thị Thùy	Linh	DC19NNA01	7.5	*Bảy điểm rưỡi*	
16	19571402310002	Bùi Bích	Ngọc	DC19STA01	8.5	*Tám điểm rưỡi*	
17	19572202010025	Phạm Thị Hoài	Như	DC19NNA01	3.0	*Ba điểm*	
18	19572202010017	Lê Trung	Quân	DC19NNA01	5.0	*Năm điểm*	
19	19572202010027	Lê Thy	Quyên	DC19NNA01	7.0	*Bảy điểm*	
20	19571402310009	Nguyễn Thị Ngọc	Quỳnh	DC19STA01	6.5	*Sáu điểm rưỡi*	
21	19571402310004	Phan Văn	Sang	DC19STA01	5.5	*Năm điểm rưỡi*	
22	19572202010020	Võ Cao Thành	Tài	DC19NNA01	6.0	*Sáu điểm*	
23	19572202010009	Nguyễn Bích	Thảo	DC19NNA01	7.5	*Bảy điểm rưỡi*	
24	19572202010021	Đặng Phúc	Thịnh	DC19NNA01	6.5	*Sáu điểm rưỡi*	
25	19572202010010	Đặng Minh	Thuận	DC19NNA01	5.5	*Năm điểm rưỡi*	
26	19572202010022	Trần Hiếu	Thương	DC19NNA01	7.5	*Bảy điểm rưỡi*	
27	19571402310011	Nguyễn Thị Kim	Tiên	DC19STA01	8.0	*Tám điểm*	
28	19571402310007	Nguyễn Thị Thùy	Trang	DC19STA01	7.0	*Bảy điểm*	
29	19572202010011	Nguyễn Ngọc	Trâm	DC19NNA01	5.5	*Năm điểm rưỡi*	
30	19571402310006	Trịnh Trương	Triển	DC19STA01	7.0	*Bảy điểm*	
31	19571402310008	Nguyễn Bá	Trúc	DC19STA01	7.0	*Bảy điểm*	
32	19572202010013	Hồ Anh	Tuyền	DC19NNA01	8.0	*Tám điểm*	

Phú Yên, ngày 14 tháng 7 năm 2022

Phòng Quản lý chất lượng — **Người nhập điểm**

Huỳnh Minh Cường — Đào Anh Xuân

TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM THI (THEO NHÓM)

Điểm thi học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học/Nhóm: Phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc — **Số tín chỉ: 2**

Ngày thi: 22/6/2022 — **Ca thi: 1**

TT	Mã SV	Họ và Tên		Tên Lớp	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	19571402010001	Nguyễn Bảo	Chung	DC19GMN01	8.0	*Tám điểm*	
2	19571402010002	Phạm Thị Kim	Hằng	DC19GMN01	8.0	*Tám điểm*	
3	19571402010003	Nguyễn Thị Thanh	Hậu	DC19GMN01	8.0	*Tám điểm*	
4	19571402010004	Đào Thị Kim	Hiền	DC19GMN01	9.5	*Chín điểm rưỡi*	
5	19571402010013	Lưu Thị Mỹ	Kim	DC19GMN01	9.0	*Chín điểm*	
6	19571402010005	Trần Thị Yến	Ly	DC19GMN01	8.0	*Tám điểm*	
7	19571402010014	Nguyễn Thị Trà	My	DC19GMN01	9.0	*Chín điểm*	
8	19571402010023	Nguyễn Thị Thanh	Nhã	DC19GMN01	0.0	*Không điểm*	Vắng
9	19571402010006	Nguyễn Thị ánh	Nhàn	DC19GMN01	8.5	*Tám điểm rưỡi*	
10	19571402010007	Lương Thị	Nhi	DC19GMN01	8.0	*Tám điểm*	
11	19571402010008	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	DC19GMN01	9.0	*Chín điểm*	
12	19571402010024	Nguyễn Phạm Thu	Phận	DC19GMN01	8.5	*Tám điểm rưỡi*	
13	19571402010015	Trần Thị Lệ	Phiến	DC19GMN01	9.0	*Chín điểm*	
14	19571402010016	Phạm Thị Y	Thảo	DC19GMN01	8.0	*Tám điểm*	
15	19571402010017	Phan Thanh	Thảo	DC19GMN01	9.0	*Chín điểm*	
16	19571402010010	Ngô Thị Tuyết	Thơm	DC19GMN01	9.5	*Chín điểm rưỡi*	
17	19571402010012	Nguyễn Thị Bích	Thùy	DC19GMN01	8.0	*Tám điểm*	
18	19571402010018	Trần Thị Thanh	Thúy	DC19GMN01	8.5	*Tám điểm rưỡi*	
19	19571402010011	Nguyễn Thị Hoài	Thương	DC19GMN01	9.0	*Chín điểm*	
20	19571402010019	Nguyễn Thiện	Trang	DC19GMN01	8.5	*Tám điểm rưỡi*	
21	19571402010025	Đinh Khánh	Trân	DC19GMN01	8.0	*Tám điểm*	
22	19571402010026	Nguyễn Thị Mỹ	Trinh	DC19GMN01	8.0	*Tám điểm*	
23	19571402010020	Tống Kiều Anh	Tú	DC19GMN01	8.0	*Tám điểm*	
24	19571402010021	Nguyễn Thị Kim	Uyên	DC19GMN01	8.5	*Tám điểm rưỡi*	
25	19571402010022	Mlô Hờ	Vân	DC19GMN01	8.0	*Tám điểm*	

Phú Yên, ngày 10 tháng 7 năm 2022

Phòng Quản lý chất lượng

Huỳnh Minh Giảng

Người nhập điểm

Đào Anh Xuân

TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM THI (THEO NHÓM)

Điểm thi học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học/Nhóm: Tiền tệ và thanh toán quốc tế — **Số tín chỉ: 2**

Ngày thi: 23/6/2022 — **Ca thi: 1**

TT	Mã SV	Họ và Tên		Tên Lớp	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	19573106300009	Lê Tú	Cẩm	DC19VNH01	7.5	*Bảy điểm rưỡi*	
2	19573106300018	Lê Minh	Chí	DC19VNH01	6.0	*Sáu điểm*	
3	19573106300010	Lê Thái	Hào	DC19VNH01	6.5	*Sáu điểm rưỡi*	
4	19573106300006	Văn Minh	Hiếu	DC19VNH01	6.0	*Sáu điểm*	
5	19573106300013	Nguyễn Bảo	Khánh	DC19VNH01	6.0	*Sáu điểm*	
6	19573106300002	Đặng Thị Thanh	Lam	DC19VNH01	7.0	*Bảy điểm*	
7	19573106300003	Lương Trọng	Lâm	DC19VNH01	6.0	*Sáu điểm*	
8	19573106300004	Nguyễn Thị Mỹ	Ly	DC19VNH01	9.0	*Chín điểm*	
9	19573106300007	Lê Nguyễn Xuân	Quỳnh	DC19VNH01	10.0	*Mười điểm*	
10	19573106300008	Lưu Thị Như	Quỳnh	DC19VNH01	7.0	*Bảy điểm*	
11	19573106300016	Nguyễn Thị Thanh	Trà	DC19VNH01	9.5	*Chín điểm rưỡi*	

Phú Yên, ngày 15 tháng 7 năm 2022

Phòng Quản lý chất lượng

Huỳnh Minh Giảng

Người nhập điểm

Đào Anh Xuân

TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM THI (THEO NHÓM)

Điểm thi học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học/Nhóm: Dạy tích hợp ở Tiểu học — **Số tín chỉ: 2**

Ngày thi: 23/6/2022 — **Ca thi: 1**

TT	Mã SV	Họ và Tên		Tên Lớp	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	19571402020001	Phan Huỳnh Khánh	Duyên	DC19GTH01	7.0	*Bảy điểm*	
2	19571402020029	Lê Nhân	Đức	DC19GTH01	8.0	*Tám điểm*	
3	19571402020013	Sô Thị Thu	Hảo	DC19GTH01	9.0	*Chín điểm*	
4	19571402020014	Lê Mo Hờ	Hiền	DC19GTH01	8.3	*Tám điểm ba*	
5	19571402020015	Hán Thị	Huyền	DC19GTH01	7.8	*Bảy điểm tám*	
6	19571402020002	Lê Thanh	Hương	DC19GTH01	8.0	*Tám điểm*	
7	19571402020016	Trần Yến	Khoa	DC19GTH01	8.5	*Tám điểm rưỡi*	
8	19571402020003	Nguyễn Thị Liên	Kiều	DC19GTH01	8.3	*Tám điểm ba*	
9	19571402020017	Võ Thị Thanh	Lam	DC19GTH01	7.3	*Bảy điểm ba*	
10	19571402020004	Phan Duy Mỹ	Lợi	DC19GTH01	8.0	*Tám điểm*	
11	19571402020005	Lê Đào Hiền	Lương	DC19GTH01	8.0	*Tám điểm*	
12	19571402020006	Nguyễn Thị Hoàng	Mai	DC19GTH01	8.5	*Tám điểm rưỡi*	
13	19571402020028	Nguyễn Thị Sơn	My	DC19GTH01	9.0	*Chín điểm*	
14	19571402020007	Nguyễn Hiếu	Ngân	DC19GTH01	7.5	*Bảy điểm rưỡi*	
15	19571402020018	Trần Lê Thanh	Nhàn	DC19GTH01	7.5	*Bảy điểm rưỡi*	
16	19571402020009	Võ Huỳnh	Như	DC19GTH01	8.8	*Tám điểm tám*	
17	19571402020019	Phan Trịnh Kim	Phượng	DC19GTH01	6.5	*Sáu điểm rưỡi*	
18	19571402020027	Đồng Thị Thu	Sương	DC19GTH01	7.0	*Bảy điểm*	
19	19571402020010	Ngô Đỗ Phương	Thảo	DC19GTH01	8.5	*Tám điểm rưỡi*	
20	19571402020011	Lê Đỗ Hoài	Thu	DC19GTH01	7.8	*Bảy điểm tám*	
21	19571402020020	Phạm Lê Cẩm	Tiên	DC19GTH01	7.0	*Bảy điểm*	
22	19571402020021	Văn Lê Thùy	Trang	DC19GTH01	8.0	*Tám điểm*	
23	19571402020022	Huỳnh Thị Thanh	Tuyền	DC19GTH01	8.0	*Tám điểm*	
24	19571402020025	Võ Thị Thu	Uyên	DC19GTH01	8.5	*Tám điểm rưỡi*	
25	19571402020012	Ngô Phạm Trường	Vi	DC19GTH01	9.0	*Chín điểm*	
26	19571402020023	Trần Linh	Vi	DC19GTH01	7.0	*Bảy điểm*	
27	19571402020024	Phạm Thị Hoàng	ý	DC19GTH01	9.5	*Chín điểm rưỡi*	

Phú Yên, ngày 14 tháng 7 năm 2022

Phòng Quản lý chất lượng

Huỳnh Minh Giảng

Người nhập điểm

Đào Anh Xuân

TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM THI (THEO NHÓM)

Điểm thi học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

HỌC PHẦN: Biên phiên dịch Tiếng Anh Hội nghị **Số tín chỉ:**
Ngày thi: 24/6/2022 Ca thi: 3

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Điểm thi	Điểm chữ	Ghi chú
1	18572202010005	Trần Quốc	Bảo	DC18NNA01	7.0	*Bảy điểm*	
2	18572202010062	Nguyễn Thị Bích	Bình	DC18NNA01	7.0	*Bảy điểm*	
3	18572202010009	Nguyễn Khánh	Duy	DC18NNA01	6.0	*Sáu điểm*	
4	18572202010064	Võ Đức Thái	Dương	DC18NNA01	5.0	*Năm điểm*	
5	18572202010007	Huỳnh Tấn	Đạt	DC18NNA01	6.0	*Sáu điểm*	
6	18572202010008	Võ Văn	Đoan	DC18NNA01	6.0	*Sáu điểm*	
7	18572202010013	Lương Thị Ngọc	Hiền	DC18NNA01	8.5	*Tám điểm rưỡi*	
8	18572202010065	Lê Huỳnh	Hòa	DC18NNA01	6.5	*Sáu điểm rưỡi*	
9	18572202010067	Đỗ Ngọc	Huy	DC18NNA01	7.0	*Bảy điểm*	
10	18572202010014	Lê Văn	Hưng	DC18NNA01	7.5	*Bảy điểm rưỡi*	
11	18572202010068	Nguyễn Thị Xuân	Kiều	DC18NNA01	5.0	*Năm điểm*	
12	18572202010018	Dương Thị Mỹ	Loan	DC18NNA01	8.0	*Tám điểm*	
13	18572202010019	Huỳnh Thị Đài	Loan	DC18NNA01	8.0	*Tám điểm*	
14	18572202010021	Nguyễn Thị Bích	Ly	DC18NNA01	5.5	*Năm điểm rưỡi*	
15	18572202010025	Lương Thị Kiều	Mỹ	DC18NNA01	8.5	*Tám điểm rưỡi*	
16	18572202010026	Đặng Thị Phương	Nga	DC18NNA01	7.5	*Bảy điểm rưỡi*	
17	18572202010029	Nguyễn Ngọc Hoàng	Ngân	DC18NNA01	8.5	*Tám điểm rưỡi*	
18	18572202010069	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	DC19NNA01	6.0	*Sáu điểm*	
19	18572202010034	Trần Thị Anh	Phương	DC18NNA01	6.0	*Sáu điểm*	
20	18572202010037	Huỳnh Thị Tú	Quyên	DC18NNA01	7.5	*Bảy điểm rưỡi*	
21	18572202010038	Tôn Cao Lệ	Quyên	DC18NNA01	7.5	*Bảy điểm rưỡi*	
22	18572202010077	Nguyễn Văn Quốc	Thịnh	DC18NNA01	9.0	*Chín điểm*	
23	18572202010044	Võ Thị Thanh	Thoại	DC18NNA01	6.0	*Sáu điểm*	
24	18572202010045	Văn Thị Xuân	Thoi	DC18NNA01	6.5	*Sáu điểm rưỡi*	
25	17552220201081	Nguyễn Thị Anh	Thơ	DC18NNA01	0.0	*Không điểm*	Vắng thi
26	18572202010047	Phạm Lê	Thúy	DC18NNA01	5.0	*Năm điểm*	
27	18572202010046	Nguyễn Thị Kim	Thương	DC18NNA01	5.5	*Năm điểm rưỡi*	
28	18572202010048	Bùi Nguyễn Hoài	Trâm	DC18NNA01	8.5	*Tám điểm rưỡi*	
29	18572202010071	Phan Nhật	Trung	DC18NNA01	9.0	*Chín điểm*	
30	18572202010076	Nguyễn Hoàng Hải	Tuyến	DC18NNA01	7.0	*Bảy điểm*	
31	18572202010002	Nguyễn Thị	Ánh	DC18NNA01	7.0	*Bảy điểm*	

Phú Yên, ngày 29 tháng 6 năm 2022

P. TRƯỞNG PHÒNG QLCL

Huỳnh Minh Giảng

NGƯỜI NHẬP ĐIỂM

Nguyễn Văn Hoàng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM THI (THEO NHÓM)

Điểm thi học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

HỌC PHẦN: ƯDCNTT trong giảng dạy Tiếng Anh TH **Số tín chỉ:**
Ngày thi: 24/6/2022 Ca thi: 3

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Điểm thi	Điểm chữ	Ghi chú
1	18571402310004	Huỳnh Ngọc Hiền	Anh	DC18STA01	10.0	*Mười điểm*	
2	18571402310001	Phạm Trọng	Bình	DC18STA01	8.5	*Tám điểm rưỡi*	
3	18571402310007	Ngụy Thị	Cương	DC18STA01	9.0	*Chín điểm*	
4	18571402310013	Huỳnh Trương Thị Mỹ	Duyên	DC18STA01	9.0	*Chín điểm*	
5	18571402310008	Nguyễn Đàm Tâm	Đan	DC18STA01	9.5	*Chín điểm rưỡi*	
6	18571402310006	Nguyễn Thị Nhật	Miên	DC18STA01	9.0	*Chín điểm*	
7	18571402310003	Phạm Quang	Minh	DC18STA01	10.0	*Mười điểm*	
8	18571402310005	Dương Thị Diễm	Quyên	DC18STA01	10.0	*Mười điểm*	
9	18571402310009	Phạm Thị Vân	Thi	DC18STA01	9.5	*Chín điểm rưỡi*	

Phú Yên, ngày 29 tháng 6 năm 2022

P. TRƯỞNG PHÒNG QLCL

Huỳnh Minh Giảng

NGƯỜI NHẬP ĐIỂM

Nguyễn Văn Hoàng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM THI (THEO NHÓM)
Điểm thi học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

HỌC PHẦN: PP đọc, kể diễn cảm tác phẩm văn học
Ngày thi: 24/6/2022

Số tín chỉ:
Ca thi: 3

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Điểm thi	Điểm chữ	Ghi chú
1	18571402010044	Nguyễn Thị Kim	Dung	DC18GMN01	8.0	*Tám điểm*	
2	18571402010043	Nguyễn Thị Mỹ	Hảo	DC18GMN01	8.0	*Tám điểm*	
3	18571402010066	Trần Thị Kim	Hân	DC18GMN01	8.0	*Tám điểm*	
4	18571402010001	Nguyễn Thị Thu	Hiền	DC18GMN01	7.5	*Bảy điểm rưỡi*	
5	18571402010002	Phan Ngọc	Hồng	DC18GMN01	9.0	*Chín điểm*	
6	18571402010003	Nguyễn Thị	Hợp	DC18GMN01	9.0	*Chín điểm*	
7	18571402010068	Nguyễn Thị Bích	Hợp	DC18GMN01	8.5	*Tám điểm rưỡi*	
8	18571402010026	Trần Thị	Huệ	DC18GMN01	8.5	*Tám điểm rưỡi*	
9	18571402010027	Chamalé Thị	Huyền	DC18GMN01	8.0	*Tám điểm*	
10	18571402010077	Nguyễn Thị	Lành	DC18GMN01	8.5	*Tám điểm rưỡi*	
11	18571402010062	Đoàn Thị Mỹ	Liên	DC18GMN01	8.5	*Tám điểm rưỡi*	
12	18571402010060	Biện Thị Diệu	Linh	DC18GMN01	8.0	*Tám điểm*	
13	18571402010071	Nguyễn Thùy	Linh	DC18GMN01	8.0	*Tám điểm*	
14	18571402010051	Võ Kim	Lợi	DC18GMN01	8.5	*Tám điểm rưỡi*	
15	18571402010052	Cao Thị Trúc	Ly	DC18GMN01	7.5	*Bảy điểm rưỡi*	
16	18571402010005	Nguyễn Thị Thu	My	DC18GMN01	8.0	*Tám điểm*	
17	18571402010048	Trần Thị Trà	My	DC18GMN01	8.0	*Tám điểm*	
18	18571402010073	Nguyễn Thị Thùy	Mỹ	DC18GMN01	7.5	*Bảy điểm rưỡi*	
19	18571402010070	Phạm Thị	Nga	DC18GMN01	8.0	*Tám điểm*	
20	18571402010082	Huỳnh Thị Thanh	Ngân	DC18GMN01	7.5	*Bảy điểm rưỡi*	
21	18571402010080	Nguyễn Thị Thúy	Ngân	DC18GMN01	7.5	*Bảy điểm rưỡi*	
22	18571402010057	Bùi Thị Mỹ	Ngọc	DC18GMN01	7.5	*Bảy điểm rưỡi*	
23	18571402010031	Đỗ Thị	Ngọc	DC18GMN01	8.0	*Tám điểm*	
24	18571402010067	Nguyễn Thị Như	Ngọc	DC18GMN01	7.5	*Bảy điểm rưỡi*	
25	18571402010028	Nguyễn Hồng	Nguyên	DC18GMN01	9.0	*Chín điểm*	
26	18571402010032	Mông Thị Minh	Nguyệt	DC18GMN01	7.5	*Bảy điểm rưỡi*	
27	18571402010007	Ngô Thị ánh	Nguyệt	DC18GMN01	8.0	*Tám điểm*	
28	18571402010038	Lê Phạm Quỳnh	Như	DC18GMN01	5.0	*Năm điểm*	
29	18571402010019	Nguyễn Thị Thanh	Nhường	DC18GMN01	9.0	*Chín điểm*	
30	18571402010055	Lê Mô Hờ	Phai	DC18GMN01	7.5	*Bảy điểm rưỡi*	
31	18571402010009	Trần Thị Xuân	Phấn	DC18GMN01	6.0	*Sáu điểm*	
32	18571402010047	Đặng Thị Thúy	Phương	DC18GMN01	8.5	*Tám điểm rưỡi*	
33	18571402010024	Trịnh Thị Mỹ	Phương	DC18GMN01	8.0	*Tám điểm*	
34	18571402010010	Trần Thị Mỹ	Quyên	DC18GMN01	8.0	*Tám điểm*	
35	18571402010033	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	DC18GMN01	7.5	*Bảy điểm rưỡi*	
36	18571402010030	Trần Thị Quế	Sâm	DC18GMN01	8.0	*Tám điểm*	
37	18571402010042	Trương Thị Bích	Sen	DC18GMN01	9.0	*Chín điểm*	
38	18571402010040	Dương Thị Kim	Soan	DC18GMN01	7.5	*Bảy điểm rưỡi*	
39	18571402010078	Nguyễn Thị Kim	Thanh	DC18GMN01	6.0	*Sáu điểm*	
40	18571402010013	Nguyễn Phương	Thảo	DC18GMN01	8.5	*Tám điểm rưỡi*	
41	18571402010050	Nguyễn Thị Diệu	Thảo	DC18GMN01	8.5	*Tám điểm rưỡi*	
42	18571402010053	Nguyễn Thị Thu	Thảo	DC18GMN01	8.0	*Tám điểm*	

43	18571402010012	Phan Thị	Thắm	DC18GMN01	8.0	*Tám điểm*	
44	18571402010025	Trần Thị Xuân	Thơ	DC18GMN01	9.0	*Chín điểm*	
45	18571402010014	Lê Thị Phương	Thu	DC18GMN01	7.5	*Bảy điểm rưỡi*	
46	18571402010045	Đặng Thị Minh	Thùy	DC18GMN01	7.5	*Bảy điểm rưỡi*	
47	18571402010037	Nguyễn Võ Thị	Thùy	DC18GMN01	4.0	*Bốn điểm*	
48	18571402010058	Lê Thị Thu	Trang	DC18GMN01	8.5	*Tám điểm rưỡi*	
49	18571402010029	Phạm Thanh Huyền	Trang	DC18GMN01	0.0	*Không điểm*	Vắng thi
50	18571402010063	Đặng Thị Bích	Trâm	DC18GMN01	8.0	*Tám điểm*	
51	18571402010049	Châu Thị Nhã	Văn	DC18GMN01	7.5	*Bảy điểm rưỡi*	
52	18571402010022	Đào Thị Kim	Vy	DC18GMN01	8.5	*Tám điểm rưỡi*	
53	18571402010056	Ngô Võ Ngọc	Xuân	DC18GMN01	8.0	*Tám điểm*	

Phú Yên, ngày 29 tháng 6 năm 2022

P. TRƯỞNG PHÒNG QLCL

Huỳnh Minh Giảng

NGƯỜI NHẬP ĐIỂM

Nguyễn Văn Hoàng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM THI (THEO NHÓM)

Điểm thi học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

HỌC PHẦN: PPDH TN-XH ở TH theo định hướng PTNL **Số tín chỉ:**
Ngày thi: 24/6/2022 Ca thi: 3

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Điểm thi	Điểm chữ	Ghi chú
1	18571402020060	Nguyễn Thị Mỹ	Anh	DC18GTH01	6.0	*Sáu điểm*	
2	18571402020057	Trần Thị Lan	Anh	DC18GTH01	7.0	*Bảy điểm*	
3	18571402020027	Lê Trịnh Hồng	Ánh	DC18GTH01	6.8	*Sáu điểm tám*	
4	18571402020001	Nguyễn Ngọc Minh	Châu	DC18GTH01	6.5	*Sáu điểm rưỡi*	
5	18571402020029	Nguyễn Thị Bảo	Châu	DC18GTH01	7.0	*Bảy điểm*	
6	18571402020002	Nguyễn Ái	Chi	DC18GTH01	6.5	*Sáu điểm rưỡi*	
7	18571402020036	Đặng Thanh	Dung	DC18GTH01	7.5	*Bảy điểm rưỡi*	
8	18571402020043	Nguyễn Thành	Đạt	DC18GTH01	6.0	*Sáu điểm*	
9	18571402020004	Phạm Thị Phương	Hà	DC18GTH01	5.0	*Năm điểm*	
10	18571402020005	Đinh Thị	Hạnh	DC18GTH01	7.5	*Bảy điểm rưỡi*	
11	18571402020024	Hồ Thị Thúy	Hằng	DC18GTH01	6.8	*Sáu điểm tám*	
12	18571402020052	Trần Thị Thúy	Hằng	DC18GTH01	6.0	*Sáu điểm*	
13	18571402020006	Đoàn Thị Hoàng	Hậu	DC18GTH01	6.0	*Sáu điểm*	
14	18571402020022	Lê Thị Thu	Hiền	DC18GTH01	5.5	*Năm điểm rưỡi*	
15	18571402020028	Trần Thị Thu	Hiền	DC18GTH01	6.8	*Sáu điểm tám*	
16	18571402020061	Phạm Phong	Hoài	DC18GTH01	6.0	*Sáu điểm*	
17	18571402020059	Tống Thanh	Huy	DC18GTH01	5.5	*Năm điểm rưỡi*	
18	18571402020063	Trần Thị Thu	Huyền	DC18GTH01	7.0	*Bảy điểm*	
19	18571402020045	Chế Thị Anh	Kiều	DC18GTH01	8.5	*Tám điểm rưỡi*	
20	18571402020044	Ngô Thị Ái	Linh	DC18GTH01	5.5	*Năm điểm rưỡi*	
21	18571402020040	Nguyễn Phương	Linh	DC18GTH01	6.0	*Sáu điểm*	
22	18571402020039	Trần Thị Mỹ	Nga	DC18GTH01	6.5	*Sáu điểm rưỡi*	
23	18571402020047	Huỳnh Thị Thanh	Ngân	DC18GTH01	8.0	*Tám điểm*	
24	18571402020030	Phạm Lâm	Ngân	DC18GTH01	6.5	*Sáu điểm rưỡi*	
25	18571402020051	Tôn Nữ Bảo	Ngọc	DC18GTH01	8.5	*Tám điểm rưỡi*	
26	18571402020050	Nguyễn Trần Kiều	Oanh	DC18GTH01	7.5	*Bảy điểm rưỡi*	
27	18571402020033	Ngô Hiền Diễm	Phúc	DC18GTH01	6.3	*Sáu điểm ba*	
28	18571402020026	Võ Thị Mỹ	Phương	DC18GTH01	7.5	*Bảy điểm rưỡi*	
29	18571402020010	Huỳnh Nhất	Quý	DC18GTH01	5.0	*Năm điểm*	
30	18571402020011	Dương Thị Tố	Quyên	DC18GTH01	6.5	*Sáu điểm rưỡi*	
31	18571402020048	Trần Thị Linh	Quyên	DC18GTH01	8.5	*Tám điểm rưỡi*	
32	18571402020016	Dương Thị Thanh	Thanh	DC18GTH01	7.5	*Bảy điểm rưỡi*	
33	18571402020042	Nguyễn Thị Thu	Thảo	DC18GTH01	5.0	*Năm điểm*	
34	18571402020015	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	DC18GTH01	6.5	*Sáu điểm rưỡi*	
35	18571402020058	Trần Thị Kim	Thi	DC18GTH01	0.0	*Không điểm*	Vắng thi
36	18571402020031	Võ Thị Minh	Thoa	DC18GTH01	6.0	*Sáu điểm*	
37	18571402020034	Hà Huyền	Trâm	DC18GTH01	5.5	*Năm điểm rưỡi*	
38	18571402020049	Nguyễn Thị Nhũ	Trâm	DC18GTH01	7.3	*Bảy điểm ba*	
39	18571402020062	Phan Tú	Trinh	DC18GTH01	8.3	*Tám điểm ba*	
40	18571402020018	Phạm Lê Thanh	Trúc	DC18GTH01	6.8	*Sáu điểm tám*	
41	18571402020019	Nguyễn Như	Tú	DC18GTH01	5.5	*Năm điểm rưỡi*	

42	18571402020035	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	DC18GTH01	7.0	*Bảy điểm*	
43	18571402020054	Đào Thị Ngọc	Tuyền	DC18GTH01	6.0	*Sáu điểm*	
44	19571402020025	Võ Thị Thu	Uyên	DC19GTH01	6.3	*Sáu điểm ba*	
45	18571402020038	Trương Thúy	Vy	DC18GTH01	6.5	*Sáu điểm rưỡi*	
46	18571402020020	Nguyễn Thị	Xuân	DC18GTH01	5.5	*Năm điểm rưỡi*	

Phú Yên, ngày 04 tháng 7 năm 2022

P. TRƯỞNG PHÒNG QLCL

Huỳnh Minh Giảng

NGƯỜI NHẬP ĐIỂM

Nguyễn Văn Hoàng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM THI (THEO NHÓM)
Điểm thi học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

HỌC PHẦN: Phát triển du lịch bền vững
Ngày thi: 24/6/2022

Số tín chỉ:
Ca thi: 3

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Điểm thi	Điểm chữ	Ghi chú
1	18572201130004	Trần Thị Cẩm	Giang	DC18VNH01	8.5	*Tám điểm rưỡi*	
2	18572201130005	Trương Phương	Hằng	DC18VNH01	9.0	*Chín điểm*	
3	18572201130008	Nguyễn Trọng	Hiếu	DC18VNH01	7.0	*Bảy điểm*	
4	18572201130009	Trần Nguyễn Phúc	Hiếu	DC18VNH01	8.0	*Tám điểm*	
5	18572201130036	Đặng Thị Kim	Hoa	DC18VNH01	8.0	*Tám điểm*	
6	18572201130039	Bùi Đăng	Khang	DC18VNH01	0.0	*Không điểm*	Vắng thi
7	18572201130037	Đặng Thị Thu	Luận	DC18VNH01	9.0	*Chín điểm*	
8	18572201130019	Lê Minh	Quang	DC18VNH01	8.0	*Tám điểm*	
9	18572201130023	Phạm Vi Vy	Thanh	DC18VNH01	8.5	*Tám điểm rưỡi*	
10	18572201130025	Trần Thị Kim	Thảo	DC18VNH01	8.0	*Tám điểm*	
11	18572201130026	Nguyễn Thị Kim	Thoa	DC18VNH01	0.0	*Không điểm*	Vắng thi
12	18572201130034	Mai Thị Phương	Uyên	DC18VNH01	9.0	*Chín điểm*	

Phú Yên, ngày 12 tháng 7 năm 2022

P. TRƯỞNG PHÒNG QLCL

Huỳnh Minh Giảng

NGƯỜI NHẬP ĐIỂM

Nguyễn Văn Hoàng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM THI (THEO NHÓM)

Điểm thi học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học/Nhóm: Toán rời rạc — **Số tín chỉ: 4**

Ngày thi: 24/6/2022 — **Ca thi: 1**

TT	Mã SV	Họ và Tên		Tên Lớp	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	19574802010021	Sipaserd	Amnad	DC19CTT01	5.8	*Năm điểm tám*	
2	19574802010001	Trần Phạm Minh	Anh	DC19CTT01	3.3	*Ba điểm ba*	
3	19574802010002	Trần Quốc	Bảo	DC19CTT01	4.5	*Bốn điểm rưỡi*	
4	19574802010003	Đặng Minh	Châu	DC19CTT01	6.0	*Sáu điểm*	
5	19574802010028	Louangphomsopha	Chilasak	DC19CTT01	6.8	*Sáu điểm tám*	
6	19574802010017	Huỳnh Lê Khánh	Duy	DC19CTT01	5.3	*Năm điểm ba*	
7	19574802010018	Nguyễn Huỳnh Ngọc	Hải	DC19CTT01	6.8	*Sáu điểm tám*	
8	19574802010004	Nguyễn Thị Nguyên	Khương	DC19CTT01	10.0	*Mười điểm*	
9	19574802010005	Trần Duy	Linh	DC19CTT01	7.5	*Bảy điểm rưỡi*	
10	19574802010006	Nguyễn Thị Phúc	Loan	DC19CTT01	8.3	*Tám điểm ba*	
11	19574802010023	Huỳnh Kim	Luân	DC19CTT01	3.8	*Ba điểm tám*	
12	18574802010028	Văn Nguyễn Hữu	Nghĩa	DC19CTT01	4.0	*Bốn điểm*	
13	19574802010007	Trần Thị Thùy	Nhiên	DC19CTT01	4.5	*Bốn điểm rưỡi*	
14	19574802010029	Ouphasakda	Pathoumma	DC19CTT01	5.0	*Năm điểm*	
15	19574802010009	Phan Đặng Hoàng	Phúc	DC19CTT01	3.0	*Ba điểm*	
16	19574802010030	Thongmaha	Soutthida	DC19CTT01	4.0	*Bốn điểm*	
17	19574802010011	Nguyễn Minh	Thịnh	DC19CTT01	4.0	*Bốn điểm*	
18	19574802010012	Lê Anh	Thương	DC19CTT01	7.5	*Bảy điểm rưỡi*	
19	19574802010024	Huỳnh Đức	Tiến	DC19CTT01	0.0	*Không điểm*	Vắng
20	19574802010013	Mai Thanh	Tiện	DC19CTT01	3.0	*Ba điểm*	
21	19574802010014	Trần Tấn	Toán	DC19CTT01	0.0	*Không điểm*	Vắng
22	19574802010015	Lê Nguyễn Mạnh	Tuấn	DC19CTT01	3.5	*Ba điểm rưỡi*	
23	19574802010025	Phan Văn	Việt	DC19CTT01	4.5	*Bốn điểm rưỡi*	

Phú Yên, ngày 22 tháng 7 năm 2022

Phòng Quản lý chất lượng

Huỳnh Minh Giảng

Người nhập điểm

Đào Anh Xuân

TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM THI (THEO NHÓM)

Điểm thi học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học/Nhóm: PPGD thể chất cho trẻ MN — **Số tín chỉ: 2**

Ngày thi: 24/6/2022 — **Ca thi: 1**

TT	Mã SV	Họ và Tên		Tên Lớp	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	19571402010001	Nguyễn Bảo	Chung	DC19GMN01	9.0	*Chín điểm*	
2	19571402010002	Phạm Thị Kim	Hằng	DC19GMN01	9.0	*Chín điểm*	
3	19571402010003	Nguyễn Thị Thanh	Hậu	DC19GMN01	0.0	*Không điểm*	Vắng
4	19571402010004	Đào Thị Kim	Hiền	DC19GMN01	8.5	*Tám điểm rưỡi*	
5	19571402010013	Lưu Thị Mỹ	Kim	DC19GMN01	9.0	*Chín điểm*	
6	19571402010005	Trần Thị Yến	Ly	DC19GMN01	9.0	*Chín điểm*	
7	19571402010014	Nguyễn Thị Trà	My	DC19GMN01	8.0	*Tám điểm*	
8	19571402010023	Nguyễn Thị Thanh	Nhã	DC19GMN01	0.0	*Không điểm*	Vắng
9	19571402010006	Nguyễn Thị ánh	Nhàn	DC19GMN01	9.0	*Chín điểm*	
10	19571402010007	Lương Thị	Nhi	DC19GMN01	8.5	*Tám điểm rưỡi*	
11	19571402010008	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	DC19GMN01	8.0	*Tám điểm*	
12	19571402010024	Nguyễn Phạm Thu	Phận	DC19GMN01	8.0	*Tám điểm*	
13	19571402010015	Trần Thị Lệ	Phiến	DC19GMN01	9.0	*Chín điểm*	
14	19571402010016	Phạm Thị Y	Thảo	DC19GMN01	9.0	*Chín điểm*	
15	19571402010017	Phan Thanh	Thảo	DC19GMN01	8.5	*Tám điểm rưỡi*	
16	19571402010010	Ngô Thị Tuyết	Thơm	DC19GMN01	8.5	*Tám điểm rưỡi*	
17	19571402010012	Nguyễn Thị Bích	Thùy	DC19GMN01	9.0	*Chín điểm*	
18	19571402010018	Trần Thị Thanh	Thúy	DC19GMN01	9.0	*Chín điểm*	
19	19571402010011	Nguyễn Thị Hoài	Thương	DC19GMN01	9.0	*Chín điểm*	
20	19571402010019	Nguyễn Thiện	Trang	DC19GMN01	9.0	*Chín điểm*	
21	19571402010025	Đinh Khánh	Trân	DC19GMN01	9.0	*Chín điểm*	
22	19571402010026	Nguyễn Thị Mỹ	Trinh	DC19GMN01	9.0	*Chín điểm*	
23	19571402010020	Tống Kiều Anh	Tú	DC19GMN01	9.5	*Chín điểm rưỡi*	
24	19571402010021	Nguyễn Thị Kim	Uyên	DC19GMN01	9.0	*Chín điểm*	
25	19571402010022	Mlô Hờ	Vân	DC19GMN01	9.0	*Chín điểm*	

Phú Yên, ngày 14 tháng 7 năm 2022

Phòng Quản lý chất lượng

Huỳnh Minh Giảng

Người nhập điểm

Đào Anh Xuân

TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM THI (THEO NHÓM)
Điểm thi học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học/Nhóm:Cơ sở văn hóa VN — **Số tín chỉ: 2**
Ngày thi: 24/6/2022 — **Ca thi: 1**

TT	Mã SV	Họ và Tên		Tên Lớp	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	19572202010002	Trần Thị Thu	Diệp	DC19NNA01	7.0	Bảy điểm	
2	19572202010003	Lý Đăng	Dương	DC19NNA01	8.0	Tám điểm	
3	19572202010015	Vũ Hồ Vy	Đan	DC19NNA01	8.5	Tám điểm rưỡi	
4	19571402310010	Lê Nguyễn Phương	Hảo	DC19STA01	8.0	Tám điểm	
5	19572202010005	Nguyễn Thị Hoàng	Hảo	DC19NNA01	8.0	Tám điểm	
6	19571402310001	Trần Thị Mỹ	Hảo	DC19STA01	8.0	Tám điểm	
7	19572202010004	Lê Thị Ngọc	Hân	DC19NNA01	7.0	Bảy điểm	
8	19572202010007	Lê Thị Ngọc	Hiền	DC19NNA01	8.0	Tám điểm	
9	19572202010006	Nguyễn Thị	Hiền	DC19NNA01	8.0	Tám điểm	
10	19572202010018	Nguyễn Thị Thu	Hiền	DC19NNA01	7.0	Bảy điểm	
11	19572202010016	Lê Thị Ngọc	Huệ	DC19NNA01	7.0	Bảy điểm	
12	19572202010024	Hà Thị Mỹ	Hương	DC19NNA01	6.5	Sáu điểm rưỡi	
13	19571402310005	Nguyễn Thị Kim	Lài	DC19STA01	7.5	Bảy điểm rưỡi	
14	19572202010008	Nguyễn Thị Thùy	Linh	DC19NNA01	8.5	Tám điểm rưỡi	
15	19571402310002	Bùi Bích	Ngọc	DC19STA01	6.5	Sáu điểm rưỡi	
16	19572202010025	Phạm Thị Hoài	Như	DC19NNA01	6.0	Sáu điểm	
17	211STO009	Nguyễn Trần Ngọc	Quý	DC21STO01	6.0	Sáu điểm	
18	19572202010027	Lê Thy	Quyên	DC19NNA01	9.0	Chín điểm	
19	19571402310009	Nguyễn Thị Ngọc	Quỳnh	DC19STA01	5.5	Năm điểm rưỡi	
20	19571402310004	Phan Văn	Sang	DC19STA01	7.5	Bảy điểm rưỡi	
21	19572202010020	Võ Cao Thành	Tài	DC19NNA01	7.5	Bảy điểm rưỡi	
22	19572202010009	Nguyễn Bích	Thảo	DC19NNA01	7.5	Bảy điểm rưỡi	
23	19572202010021	Đặng Phúc	Thịnh	DC19NNA01	7.0	Bảy điểm	
24	19572202010010	Đặng Minh	Thuận	DC19NNA01	4.5	Bốn điểm rưỡi	
25	19572202010022	Trần Hiếu	Thương	DC19NNA01	7.5	Bảy điểm rưỡi	
26	19571402310011	Nguyễn Thị Kim	Tiên	DC19STA01	7.5	Bảy điểm rưỡi	
27	19571402310007	Nguyễn Thị Thùy	Trang	DC19STA01	8.0	Tám điểm	
28	19572202010011	Nguyễn Ngọc	Trâm	DC19NNA01	4.5	Bốn điểm rưỡi	
29	19571402310006	Trịnh Trương	Triển	DC19STA01	7.5	Bảy điểm rưỡi	
30	19571402310008	Nguyễn Bá	Trúc	DC19STA01	7.5	Bảy điểm rưỡi	
31	19572202010013	Hồ Anh	Tuyền	DC19NNA01	7.5	Bảy điểm rưỡi	

Phú Yên, ngày 14 tháng 7 năm 2022

Phòng Quản lý chất lượng

Huỳnh Minh Giang

Người nhập điểm

Đào Anh Xuân

TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM THI (THEO NHÓM)
Điểm thi học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học/Nhóm: Kỹ năng phỏng vấn cho các vị trí biên phiên dịch — Số tín chỉ: 2
Ngày thi: 27/06/2022 — Ca thi: 3

TT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên Lớp	Điểm Thi	Điểm chữ	Ghi chú
1	18572202010005	Trần Quốc	Bảo	DC18NNA01	6,0	Sáu điểm	
2	18572202010062	Nguyễn Thị Bích	Bình	DC18NNA01	5,0	Năm điểm	
3	18572202010009	Nguyễn Khánh	Duy	DC18NNA01	6,5	Sáu điểm rưỡi	
4	18572202010064	Võ Đức Thái	Dương	DC18NNA01	6,5	Sáu điểm rưỡi	
5	18572202010007	Huỳnh Tấn	Đạt	DC18NNA01	7,0	Bảy điểm	
6	18572202010008	Võ Văn	Đoan	DC18NNA01	7,0	Bảy điểm	
7	18572202010013	Lương Thị Ngọc	Hiền	DC18NNA01	7,0	Bảy điểm	
8	18572202010065	Lê Huỳnh	Hòa	DC18NNA01	7,5	Bảy điểm rưỡi	
9	18572202010067	Đỗ Ngọc	Huy	DC18NNA01	7,0	Bảy điểm	
10	18572202010014	Lê Văn	Hưng	DC18NNA01	7,0	Bảy điểm	
11	18572202010068	Nguyễn Thị Xuân	Kiều	DC18NNA01	6,0	Sáu điểm	
12	18572202010018	Dương Thị Mỹ	Loan	DC18NNA01	7,5	Bảy điểm rưỡi	
13	18572202010019	Huỳnh Thị Đài	Loan	DC18NNA01	7,5	Bảy điểm rưỡi	
14	18572202010021	Nguyễn Thị Bích	Ly	DC18NNA01	7,5	Bảy điểm rưỡi	
15	18572202010025	Lương Thị Kiều	Mỹ	DC18NNA01	7,0	Bảy điểm	
16	18572202010026	Đặng Thị Phương	Nga	DC18NNA01	7,0	Bảy điểm	
17	18572202010029	Nguyễn Ngọc Hoàng	Ngân	DC18NNA01	7,0	Bảy điểm	
18	18572202010069	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	DC19NNA01	7,0	Bảy điểm	
19	18572202010034	Trần Thị Anh	Phương	DC18NNA01	6,0	Sáu điểm	
20	18572202010037	Huỳnh Thị Tú	Quyên	DC18NNA01	8,0	Tám điểm	
21	18572202010038	Tôn Cao Lệ	Quyên	DC18NNA01	7,5	Bảy điểm rưỡi	
22	18572202010077	Nguyễn Văn Quốc	Thịnh	DC18NNA01	8,5	Tám điểm rưỡi	
23	18572202010044	Võ Thị Thanh	Thoại	DC18NNA01	6,0	Sáu điểm	
24	18572202010045	Văn Thị Xuân	Thoi	DC18NNA01	7,5	Bảy điểm rưỡi	
25	17552220201081	Nguyễn Thị Anh	Thơ	DC18NNA01	0,0	Không điểm	Vắng
26	18572202010047	Phạm Lê	Thúy	DC18NNA01	7,0	Bảy điểm	
27	18572202010046	Nguyễn Thị Kim	Thương	DC18NNA01	7,5	Bảy điểm rưỡi	
28	18572202010048	Bùi Nguyễn Hoài	Trâm	DC18NNA01	8,0	Tám điểm	
29	18572202010071	Phan Nhật	Trung	DC18NNA01	8,0	Tám điểm	
30	18572202010076	Nguyễn Hoàng Hải	Tuyến	DC18NNA01	5,5	Năm điểm rưỡi	
31	18572202010002	Nguyễn Thị	Ánh	DC18NNA01	7,5	Bảy điểm rưỡi	

Phú Yên, ngày 30 tháng 06 năm 2022

Phòng Quản lý chất lượng

Huỳnh Minh Giảng

Người nhập điểm

Huỳnh Thị Oanh

TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM THI (THEO NHÓM)

Điểm thi học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học/Nhóm: Tiếng Anh 4 (Tiếng Anh chuyên ngành Văn hóa – Du lịch) Số tín chỉ: 3
Ngày thi: 27/06/2022 Ca thi: 3

TT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên Lớp	Điểm Thi	Điểm chữ	Ghi chú
1	18571402310004	Huỳnh Ngọc Hiền	Anh	DC18STA01	8,5	Tám điểm rưỡi	
2	18571402310001	Phạm Trọng	Bình	DC18STA01	8,0	Tám điểm	
3	18571402310007	Ngụy Thị	Cương	DC18STA01	8,6	Tám điểm sáu	
4	18571402310013	Huỳnh Trương Thị Mỹ	Duyên	DC18STA01	8,6	Tám điểm sáu	
5	18571402310008	Nguyễn Đàm Tâm	Đan	DC18STA01	8,6	Tám điểm sáu	
6	18571402310006	Nguyễn Thị Nhật	Miên	DC18STA01	8,4	Tám điểm tư	
7	18571402310003	Phạm Quang	Minh	DC18STA01	9,0	Chín điểm	
8	18571402310005	Dương Thị Diễm	Quyên	DC18STA01	8,8	Tám điểm tám	
9	18571402310009	Phạm Thị Vân	Thi	DC18STA01	8,0	Tám điểm	

Phú Yên, ngày 30 tháng 06 năm 2022

Phòng Quản lý chất lượng

Huỳnh Minh Giảng

Người nhập điểm

Huỳnh Thị Oanh

TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM THI (THEO NHÓM)
Điểm thi học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học/Nhóm: Kỹ thuật hát – Đàn phím điện tử — Số tín chỉ: 2
Ngày thi: 27/06/2022 — Ca thi: 3

TT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên Lớp	Điểm Thi	Điểm chữ	Ghi chú
1	18571402020060	Nguyễn Thị Mỹ	Anh	DC18GTH01	8,0	Tám điểm	
2	18571402020057	Trần Thị Lan	Anh	DC18GTH01	7,5	Bảy điểm rưỡi	
3	18571402020027	Lê Trịnh Hồng	Ánh	DC18GTH01	8,5	Tám điểm rưỡi	
4	18571402020001	Nguyễn Ngọc Minh	Châu	DC18GTH01	9,0	Chín điểm	
5	18571402020029	Nguyễn Thị Bảo	Châu	DC18GTH01	9,5	Chín điểm rưỡi	
6	18571402020036	Đặng Thanh	Dung	DC18GTH01	9,0	Chín điểm	
7	18571402020043	Nguyễn Thành	Đạt	DC18GTH01	8,0	Tám điểm	
8	18571402020052	Trần Thị Thúy	Hằng	DC18GTH01	9,0	Chín điểm	
9	18571402020022	Lê Thị Thu	Hiền	DC18GTH01	8,0	Tám điểm	
10	18571402020028	Trần Thị Thu	Hiền	DC18GTH01	7,0	Bảy điểm	
11	18571402020061	Phạm Phong	Hoài	DC18GTH01	6,5	Sáu điểm rưỡi	
12	18571402020059	Tống Thanh	Huy	DC18GTH01	5,5	Năm điểm rưỡi	
13	18571402020044	Ngô Thị Ái	Linh	DC18GTH01	7,5	Bảy điểm rưỡi	
14	18571402020030	Phạm Lâm	Ngân	DC18GTH01	8,0	Tám điểm	
15	18571402020050	Nguyễn Trần Kiều	Oanh	DC18GTH01	8,0	Tám điểm	
16	18571402020026	Võ Thị Mỹ	Phương	DC18GTH01	9,0	Chín điểm	
17	18571402020010	Huỳnh Nhất	Quý	DC18GTH01	8,5	Tám điểm rưỡi	
18	18571402020048	Trần Thị Linh	Quyên	DC18GTH01	8,5	Tám điểm rưỡi	
19	18571402020015	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	DC18GTH01	7,5	Bảy điểm rưỡi	
20	18571402020031	Võ Thị Minh	Thoa	DC18GTH01	9,0	Chín điểm	
21	18571402020034	Hà Huyền	Trâm	DC18GTH01	7,5	Bảy điểm rưỡi	
22	18571402020062	Phan Tú	Trinh	DC18GTH01	7,5	Bảy điểm rưỡi	
23	18571402020018	Phạm Lê Thanh	Trúc	DC18GTH01	9,5	Chín điểm rưỡi	
24	18571402020019	Nguyễn Như	Tú	DC18GTH01	10,0	Mười điểm	
25	18571402020035	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	DC18GTH01	9,5	Chín điểm rưỡi	
26	18571402020054	Đào Thị Ngọc	Tuyền	DC18GTH01	7,5	Bảy điểm rưỡi	
27	18571402020038	Trương Thúy	Vy	DC18GTH01	7,5	Bảy điểm rưỡi	
28	18571402020020	Nguyễn Thị	Xuân	DC18GTH01	7,0	Bảy điểm	

Phú Yên, ngày 28 tháng 06 năm 2022

Phòng Quản lý chất lượng

Huỳnh Minh Giảng

Người nhập điểm

Huỳnh Thị Oanh

TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM THI (THEO NHÓM)

Điểm thi học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

HỌC PHẦN: PTKTDH và ứng dụng CNTT trong DH TH **Số tín chỉ:**
Ngày thi: 27/6/2022 Ca thi: 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Điểm thi	Điểm chữ	Ghi chú
1	19571402020001	Phan Huỳnh Khánh	Duyên	DC19GTH01	7.5	*Bảy điểm rưỡi*	
2	19571402020029	Lê Nhân	Đức	DC19GTH01	9.0	*Chín điểm*	
3	19571402020013	Sô Thị Thu	Hảo	DC19GTH01	8.5	*Tám điểm rưỡi*	
4	19571402020014	Lê Mo Hờ	Hiền	DC19GTH01	7.5	*Bảy điểm rưỡi*	
5	19571402020015	Hán Thị	Huyền	DC19GTH01	7.5	*Bảy điểm rưỡi*	
6	19571402020002	Lê Thanh	Hương	DC19GTH01	9.5	*Chín điểm rưỡi*	
7	19571402020016	Trần Yến	Khoa	DC19GTH01	7.5	*Bảy điểm rưỡi*	
8	19571402020003	Nguyễn Thị Liên	Kiều	DC19GTH01	9.0	*Chín điểm*	
9	19571402020017	Võ Thị Thanh	Lam	DC19GTH01	9.0	*Chín điểm*	
10	19571402020004	Phan Duy Mỹ	Lợi	DC19GTH01	8.5	*Tám điểm rưỡi*	
11	19571402020005	Lê Đào Hiền	Lương	DC19GTH01	9.0	*Chín điểm*	
12	19571402020006	Nguyễn Thị Hoàng	Mai	DC19GTH01	9.5	*Chín điểm rưỡi*	
13	19571402020028	Nguyễn Thị Sơn	My	DC19GTH01	9.5	*Chín điểm rưỡi*	
14	19571402020007	Nguyễn Hiếu	Ngân	DC19GTH01	8.5	*Tám điểm rưỡi*	
15	19571402020018	Trần Lê Thanh	Nhàn	DC19GTH01	9.0	*Chín điểm*	
16	19571402020009	Võ Huỳnh	Như	DC19GTH01	7.0	*Bảy điểm*	
17	19571402020019	Phan Trịnh Kim	Phượng	DC19GTH01	7.5	*Bảy điểm rưỡi*	
18	19571402020027	Đồng Thị Thu	Sương	DC19GTH01	7.0	*Bảy điểm*	
19	19571402020010	Ngô Đỗ Phương	Thảo	DC19GTH01	7.0	*Bảy điểm*	
20	19571402020011	Lê Đỗ Hoài	Thu	DC19GTH01	7.5	*Bảy điểm rưỡi*	
21	19571402020020	Phạm Lê Cẩm	Tiên	DC19GTH01	6.5	*Sáu điểm rưỡi*	
22	19571402020021	Văn Lê Thùy	Trang	DC19GTH01	8.0	*Tám điểm*	
23	19571402020022	Huỳnh Thị Thanh	Tuyền	DC19GTH01	7.0	*Bảy điểm*	
24	19571402020012	Ngô Phạm Trường	Vi	DC19GTH01	8.5	*Tám điểm rưỡi*	
25	19571402020023	Trần Linh	Vi	DC19GTH01	8.0	*Tám điểm*	
26	19571402020024	Phạm Thị Hoàng	Ý	DC19GTH01	8.0	*Tám điểm*	

Phú Yên, ngày 29 tháng 6 năm 2022

P. TRƯỞNG PHÒNG QLCL

Huỳnh Minh Giảng

NGƯỜI NHẬP ĐIỂM

Nguyễn Văn Hoàng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM THI (THEO NHÓM)
Điểm thi học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

HỌC PHẦN: Automat và Ngôn ngữ hình thức **Số tín chỉ:**
Ngày thi: 27/6/2022 Ca thi: 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Điểm thi	Điểm chữ	Ghi chú
1	19574802010027	Sipaserd	Amnad	DC19CTT01	5.0	*Năm điểm*	
2	19574802010001	Trần Phạm Minh	Anh	DC19CTT01	6.5	*Sáu điểm rưỡi*	
3	19574802010002	Trần Quốc	Bảo	DC19CTT01	4.0	*Bốn điểm*	
4	19574802010003	Đặng Minh	Châu	DC19CTT01	4.0	*Bốn điểm*	
5	19574802010028	Louangphomsopha	Chilasak	DC19CTT01	4.0	*Bốn điểm*	
6	19574802010017	Huỳnh Lê Khánh	Duy	DC19CTT01	4.0	*Bốn điểm*	
7	19574802010018	Nguyễn Huỳnh Ngọc	Hải	DC19CTT01	7.0	*Bảy điểm*	
8	19574802010004	Nguyễn Thị Nguyên	Khương	DC19CTT01	6.0	*Sáu điểm*	
9	19574802010005	Trần Duy	Linh	DC19CTT01	6.0	*Sáu điểm*	
10	19574802010006	Nguyễn Thị Phúc	Loan	DC19CTT01	6.0	*Sáu điểm*	
11	19574802010023	Huỳnh Kim	Luân	DC19CTT01	4.0	*Bốn điểm*	
12	18574802010028	Văn Nguyễn Hữu	Nghĩa	DC19CTT01	5.0	*Năm điểm*	
13	19574802010007	Trần Thị Thùy	Nhiên	DC19CTT01	6.0	*Sáu điểm*	
14	19574802010029	Ouphasakda	Pathoumma	DC19CTT01	6.0	*Sáu điểm*	
15	19574802010009	Phan Đặng Hoàng	Phúc	DC19CTT01	7.5	*Bảy điểm rưỡi*	
16	19574802010030	Thongmaha	Soutthida	DC19CTT01	7.5	*Bảy điểm rưỡi*	
17	19574802010011	Nguyễn Minh	Thịnh	DC19CTT01	3.5	*Ba điểm rưỡi*	
18	19574802010012	Lê Anh	Thương	DC19CTT01	1.5	*Một điểm rưỡi*	
19	19574802010024	Huỳnh Đức	Tiến	DC19CTT01	0.0	*Không điểm*	Vắng thi
20	19574802010013	Mai Thanh	Tiện	DC19CTT01	5.0	*Năm điểm*	
21	19574802010014	Trần Tấn	Toán	DC19CTT01	0.0	*Không điểm*	Vắng thi
22	19574802010015	Lê Nguyễn Mạnh	Tuấn	DC19CTT01	4.0	*Bốn điểm*	
23	19574802010025	Phan Văn	Việt	DC19CTT01	4.0	*Bốn điểm*	

Phú Yên, ngày 14 tháng 7 năm 2022

P. TRƯỞNG PHÒNG QLCL

Huỳnh Minh Giảng

NGƯỜI NHẬP ĐIỂM

Nguyễn Văn Hoàng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM THI (THEO NHÓM)

Điểm thi học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

HỌC PHẦN: Biên phiên dịch Tiếng Anh Văn hóa -Du lị **Số tín chỉ:**
Ngày thi: 27/6/2022 Ca thi: 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Điểm thi	Điểm chữ	Ghi chú
1	19572202010002	Trần Thị Thu	Diệp	DC19NNA01	4.9	*Bốn điểm chín*	
2	19572202010003	Lý Đăng	Dương	DC19NNA01	7.4	*Bảy điểm tư*	
3	19572202010015	Vũ Hồ Vy	Đan	DC19NNA01	6.5	*Sáu điểm rưỡi*	
4	19572202010005	Nguyễn Thị Hoàng	Hảo	DC19NNA01	6.4	*Sáu điểm tư*	
5	19572202010004	Lê Thị Ngọc	Hân	DC19NNA01	4.7	*Bốn điểm bảy*	
6	19572202010007	Lê Thị Ngọc	Hiền	DC19NNA01	5.2	*Năm điểm hai*	
7	19572202010006	Nguyễn Thị	Hiền	DC19NNA01	5.0	*Năm điểm*	
8	19572202010018	Nguyễn Thị Thu	Hiền	DC19NNA01	4.4	*Bốn điểm tư*	
9	19572202010016	Lê Thị Ngọc	Huệ	DC19NNA01	4.7	*Bốn điểm bảy*	
10	19572202010024	Hà Thị Mỹ	Hương	DC19NNA01	4.7	*Bốn điểm bảy*	
11	19572202010008	Nguyễn Thị Thùy	Linh	DC19NNA01	6.5	*Sáu điểm rưỡi*	
12	19572202010025	Phạm Thị Hoài	Như	DC19NNA01	4.5	*Bốn điểm rưỡi*	
13	19572202010017	Lê Trung	Quân	DC19NNA01	0.0	*Không điểm*	Vắng thi
14	19572202010027	Lê Thy	Quyên	DC19NNA01	7.2	*Bảy điểm hai*	
15	19572202010020	Võ Cao Thành	Tài	DC19NNA01	6.3	*Sáu điểm ba*	
16	19572202010009	Nguyễn Bích	Thảo	DC19NNA01	5.7	*Năm điểm bảy*	
17	19572202010021	Đặng Phúc	Thịnh	DC19NNA01	7.6	*Bảy điểm sáu*	
18	19572202010010	Đặng Minh	Thuận	DC19NNA01	5.9	*Năm điểm chín*	
19	19572202010022	Trần Hiếu	Thương	DC19NNA01	7.6	*Bảy điểm sáu*	
20	19572202010011	Nguyễn Ngọc	Trâm	DC19NNA01	7.1	*Bảy điểm một*	
21	19572202010013	Hồ Anh	Tuyền	DC19NNA01	7.1	*Bảy điểm một*	

Phú Yên, ngày 01 tháng 7 năm 2022

P. TRƯỞNG PHÒNG QLCL

Huỳnh Minh Giảng

NGƯỜI NHẬP ĐIỂM

Nguyễn Văn Hoàng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM THI (THEO NHÓM)
Điểm thi học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

HỌC PHẦN: Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh Tiểu học 3 **Số tín chỉ:**
Ngày thi: 27/6/2022 Ca thi: 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Điểm thi	Điểm chữ	Ghi chú
1	19571402310010	Lê Nguyễn Phương	Hảo	DC19STA01	8.0	*Tám điểm*	
2	19571402310001	Trần Thị Mỹ	Hảo	DC19STA01	6.5	*Sáu điểm rưỡi*	
3	19571402310005	Nguyễn Thị Kim	Lài	DC19STA01	8.0	*Tám điểm*	
4	19571402310002	Bùi Bích	Ngọc	DC19STA01	8.0	*Tám điểm*	
5	19571402310009	Nguyễn Thị Ngọc	Quỳnh	DC19STA01	7.0	*Bảy điểm*	
6	19571402310004	Phan Văn	Sang	DC19STA01	6.0	*Sáu điểm*	
7	19571402310011	Nguyễn Thị Kim	Tiên	DC19STA01	8.0	*Tám điểm*	
8	19571402310007	Nguyễn Thị Thùy	Trang	DC19STA01	8.0	*Tám điểm*	
9	19571402310006	Trịnh Trương	Triển	DC19STA01	8.0	*Tám điểm*	
10	19571402310008	Nguyễn Bá	Trúc	DC19STA01	6.0	*Sáu điểm*	

Phú Yên, ngày 01 tháng 7 năm 2022

P. TRƯỞNG PHÒNG QLCL

Huỳnh Minh Giảng

NGƯỜI NHẬP ĐIỂM

Nguyễn Văn Hoàng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM THI (THEO NHÓM)

Điểm thi học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

HỌC PHẦN: Tổ chức hoạt động vui chơi **Số tín chỉ:**
Ngày thi: 27/6/2022 Ca thi: 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Điểm thi	Điểm chữ	Ghi chú
1	19571402010001	Nguyễn Bảo	Chung	DC19GMN01	8.0	*Tám điểm*	
2	19571402010002	Phạm Thị Kim	Hằng	DC19GMN01	7.5	*Bảy điểm rưỡi*	
3	19571402010003	Nguyễn Thị Thanh	Hậu	DC19GMN01	7.5	*Bảy điểm rưỡi*	
4	19571402010004	Đào Thị Kim	Hiền	DC19GMN01	8.0	*Tám điểm*	
5	19571402010013	Lưu Thị Mỹ	Kim	DC19GMN01	7.5	*Bảy điểm rưỡi*	
6	19571402010005	Trần Thị Yến	Ly	DC19GMN01	8.0	*Tám điểm*	
7	19571402010014	Nguyễn Thị Trà	My	DC19GMN01	7.0	*Bảy điểm*	
8	19571402010023	Nguyễn Thị Thanh	Nhã	DC19GMN01	0.0	*Không điểm*	Vắng thi
9	19571402010006	Nguyễn Thị ánh	Nhàn	DC19GMN01	7.5	*Bảy điểm rưỡi*	
10	19571402010007	Lương Thị	Nhi	DC19GMN01	8.0	*Tám điểm*	
11	19571402010008	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	DC19GMN01	7.5	*Bảy điểm rưỡi*	
12	19571402010024	Nguyễn Phạm Thu	Phận	DC19GMN01	7.5	*Bảy điểm rưỡi*	
13	19571402010015	Trần Thị Lệ	Phiến	DC19GMN01	8.5	*Tám điểm rưỡi*	
14	19571402010016	Phạm Thị Y	Thảo	DC19GMN01	8.0	*Tám điểm*	
15	19571402010017	Phan Thanh	Thảo	DC19GMN01	8.5	*Tám điểm rưỡi*	
16	19571402010010	Ngô Thị Tuyết	Thơm	DC19GMN01	8.0	*Tám điểm*	
17	19571402010012	Nguyễn Thị Bích	Thùy	DC19GMN01	7.5	*Bảy điểm rưỡi*	
18	19571402010018	Trần Thị Thanh	Thúy	DC19GMN01	8.5	*Tám điểm rưỡi*	
19	19571402010011	Nguyễn Thị Hoài	Thương	DC19GMN01	7.5	*Bảy điểm rưỡi*	
20	19571402010019	Nguyễn Thiện	Trang	DC19GMN01	7.5	*Bảy điểm rưỡi*	
21	19571402010025	Đinh Khánh	Trân	DC19GMN01	7.5	*Bảy điểm rưỡi*	
22	19571402010026	Nguyễn Thị Mỹ	Trinh	DC19GMN01	7.0	*Bảy điểm*	
23	19571402010020	Tống Kiều Anh	Tú	DC19GMN01	8.5	*Tám điểm rưỡi*	
24	19571402010021	Nguyễn Thị Kim	Uyên	DC19GMN01	8.5	*Tám điểm rưỡi*	
25	19571402010022	Mlô Hờ	Vân	DC19GMN01	7.5	*Bảy điểm rưỡi*	

Phú Yên, ngày 26 tháng 7 năm 2022

P. TRƯỞNG PHÒNG QLCL

Huỳnh Minh Giảng

NGƯỜI NHẬP ĐIỂM

Nguyễn Văn Hoàng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM THI (THEO NHÓM)
Điểm thi học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

HỌC PHẦN: Quản lý di sản văn hóa và phát triển du lịch **Số tín chỉ:**
Ngày thi: 27/6/2022 Ca thi: 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Điểm thi	Điểm chữ	Ghi chú
1	18572201130004	Trần Thị Cẩm	Giang	DC18VNH01	10.0	*Mười điểm*	
2	18572201130005	Trương Phương	Hằng	DC18VNH01	8.5	*Tám điểm rưỡi*	
3	18572201130008	Nguyễn Trọng	Hiếu	DC18VNH01	8.0	*Tám điểm*	
4	18572201130009	Trần Nguyễn Phúc	Hiếu	DC18VNH01	9.5	*Chín điểm rưỡi*	
5	18572201130036	Đặng Thị Kim	Hoa	DC18VNH01	9.5	*Chín điểm rưỡi*	
6	18572201130039	Bùi Đăng	Khang	DC18VNH01	0.0	*Không điểm*	Vắng thi
7	18572201130037	Đặng Thị Thu	Luận	DC18VNH01	9.5	*Chín điểm rưỡi*	
8	18572201130019	Lê Minh	Quang	DC18VNH01	9.5	*Chín điểm rưỡi*	
9	18572201130023	Phạm Vi Vy	Thanh	DC18VNH01	7.0	*Bảy điểm*	
10	18572201130025	Trần Thị Kim	Thảo	DC18VNH01	9.5	*Chín điểm rưỡi*	
11	18572201130026	Nguyễn Thị Kim	Thoa	DC18VNH01	0.0	*Không điểm*	Vắng thi
12	18572201130034	Mai Thị Phương	Uyên	DC18VNH01	9.5	*Chín điểm rưỡi*	
13	19573106300009	Lê Tú	Cầm	DC19VNH01	6.0	*Sáu điểm*	
14	19573106300018	Lê Minh	Chí	DC19VNH01	5.5	*Năm điểm rưỡi*	
15	19573106300010	Lê Thái	Hào	DC19VNH01	2.0	*Hai điểm*	
16	19573106300006	Văn Minh	Hiếu	DC19VNH01	7.0	*Bảy điểm*	
17	19573106300013	Nguyễn Bảo	Khánh	DC19VNH01	5.0	*Năm điểm*	
18	19573106300002	Đặng Thị Thanh	Lam	DC19VNH01	9.5	*Chín điểm rưỡi*	
19	19573106300003	Lương Trọng	Lâm	DC19VNH01	9.5	*Chín điểm rưỡi*	
20	19573106300004	Nguyễn Thị Mỹ	Ly	DC19VNH01	7.0	*Bảy điểm*	
21	19573106300007	Lê Nguyễn Xuân	Quỳnh	DC19VNH01	8.0	*Tám điểm*	
22	19573106300008	Lưu Thị Như	Quỳnh	DC19VNH01	8.0	*Tám điểm*	
23	19573106300016	Nguyễn Thị Thanh	Trà	DC19VNH01	7.0	*Bảy điểm*	

Phú Yên, ngày 01 tháng 7 năm 2022

P. TRƯỞNG PHÒNG QLCL

Huỳnh Minh Giảng

NGƯỜI NHẬP ĐIỂM

Nguyễn Văn Hoàng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM THI (THEO NHÓM)

Điểm thi học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học/Nhóm: Âm nhạc đại cương — **Số tín chỉ: 2**

Ngày thi: 29/6/2022 — **Ca thi: 1**

TT	Mã SV	Họ và Tên		Tên Lớp	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	19571402310010	Lê Nguyễn Phương	Hảo	DC19STA01	9.5	*Chín điểm rưỡi*	
2	19571402310001	Trần Thị Mỹ	Hảo	DC19STA01	8.0	*Tám điểm*	
3	19571402310005	Nguyễn Thị Kim	Lài	DC19STA01	9.0	*Chín điểm*	
4	19571402310002	Bùi Bích	Ngọc	DC19STA01	9.5	*Chín điểm rưỡi*	
5	19571402310009	Nguyễn Thị Ngọc	Quỳnh	DC19STA01	8.5	*Tám điểm rưỡi*	
6	19571402310004	Phan Văn	Sang	DC19STA01	8.5	*Tám điểm rưỡi*	
7	19571402310011	Nguyễn Thị Kim	Tiên	DC19STA01	9.5	*Chín điểm rưỡi*	
8	19571402310007	Nguyễn Thị Thùy	Trang	DC19STA01	9.0	*Chín điểm*	
9	19571402310006	Trịnh Trương	Triển	DC19STA01	9.0	*Chín điểm*	
10	19571402310008	Nguyễn Bá	Trúc	DC19STA01	8.5	*Tám điểm rưỡi*	

Phú Yên, ngày 14 tháng 7 năm 2022

Phòng Quản lý chất lượng

Huỳnh Minh Giảng

Người nhập điểm

Đào Anh Xuân

TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM THI (THEO NHÓM)

Điểm thi học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học/Nhóm: Vẽ theo mẫu và vẽ trang trí — **Số tín chỉ: 2**

Ngày thi: 29/6/2022 — **Ca thi: 1**

TT	Mã SV	Họ và Tên		Tên Lớp	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	19571402020001	Phan Huỳnh Khánh	Duyên	DC19GTH01	6.0	*Sáu điểm*	
2	19571402020029	Lê Nhân	Đức	DC19GTH01	7.5	*Bảy điểm rưỡi*	
3	19571402020013	Sô Thị Thu	Hảo	DC19GTH01	6.5	*Sáu điểm rưỡi*	
4	19571402020014	Lê Mo Hờ	Hiền	DC19GTH01	6.5	*Sáu điểm rưỡi*	
5	19571402020015	Hán Thị	Huyền	DC19GTH01	6.5	*Sáu điểm rưỡi*	
6	19571402020002	Lê Thanh	Hương	DC19GTH01	6.5	*Sáu điểm rưỡi*	
7	19571402020016	Trần Yến	Khoa	DC19GTH01	7.0	*Bảy điểm*	
8	19571402020003	Nguyễn Thị Liên	Kiều	DC19GTH01	7.5	*Bảy điểm rưỡi*	
9	19571402020017	Võ Thị Thanh	Lam	DC19GTH01	6.5	*Sáu điểm rưỡi*	
10	19571402020004	Phan Duy Mỹ	Lợi	DC19GTH01	6.0	*Sáu điểm*	
11	19571402020005	Lê Đào Hiền	Lương	DC19GTH01	6.0	*Sáu điểm*	
12	19571402020006	Nguyễn Thị Hoàng	Mai	DC19GTH01	7.0	*Bảy điểm*	
13	19571402020028	Nguyễn Thị Sơn	My	DC19GTH01	6.0	*Sáu điểm*	
14	19571402020007	Nguyễn Hiếu	Ngân	DC19GTH01	6.0	*Sáu điểm*	
15	19571402020018	Trần Lê Thanh	Nhàn	DC19GTH01	7.5	*Bảy điểm rưỡi*	
16	19571402020009	Võ Huỳnh	Như	DC19GTH01	5.0	*Năm điểm*	
17	19571402020019	Phan Trịnh Kim	Phượng	DC19GTH01	6.0	*Sáu điểm*	
18	19571402020027	Đồng Thị Thu	Sương	DC19GTH01	5.0	*Năm điểm*	
19	19571402020010	Ngô Đỗ Phương	Thảo	DC19GTH01	6.0	*Sáu điểm*	
20	19571402020011	Lê Đỗ Hoài	Thu	DC19GTH01	6.5	*Sáu điểm rưỡi*	
21	19571402020020	Phạm Lê Cẩm	Tiên	DC19GTH01	6.0	*Sáu điểm*	
22	19571402020021	Văn Lê Thùy	Trang	DC19GTH01	7.0	*Bảy điểm*	
23	19571402020022	Huỳnh Thị Thanh	Tuyền	DC19GTH01	6.0	*Sáu điểm*	
24	19571402020012	Ngô Phạm Trường	Vi	DC19GTH01	7.5	*Bảy điểm rưỡi*	
25	19571402020023	Trần Linh	Vi	DC19GTH01	7.5	*Bảy điểm rưỡi*	
26	19571402020024	Phạm Thị Hoàng	ý	DC19GTH01	8.5	*Tám điểm rưỡi*	

Phú Yên, ngày 14 tháng 7 năm 2022

Phòng Quản lý chất lượng

Huỳnh Minh Giảng

Người nhập điểm

Đào Anh Xuân

TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM THI (THEO NHÓM)

Điểm thi học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học/Nhóm: Quản lý nhà trường — **Số tín chỉ: 2**

Ngày thi: 29/6/2022 — **Ca thi: 1**

TT	Mã SV	Họ và Tên		Tên Lớp	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	19571402010001	Nguyễn Bảo	Chung	DC19GMN01	8.5	*Tám điểm rưỡi*	
2	19571402010002	Phạm Thị Kim	Hằng	DC19GMN01	9.0	*Chín điểm*	
3	19571402010003	Nguyễn Thị Thanh	Hậu	DC19GMN01	7.0	*Bảy điểm*	
4	19571402010004	Đào Thị Kim	Hiền	DC19GMN01	7.5	*Bảy điểm rưỡi*	
5	19571402010013	Lưu Thị Mỹ	Kim	DC19GMN01	5.5	*Năm điểm rưỡi*	
6	19571402010005	Trần Thị Yến	Ly	DC19GMN01	5.0	*Năm điểm*	
7	19571402010014	Nguyễn Thị Trà	My	DC19GMN01	8.5	*Tám điểm rưỡi*	
8	19571402010023	Nguyễn Thị Thanh	Nhã	DC19GMN01	0.0	*Không điểm*	Vắng
9	19571402010006	Nguyễn Thị ánh	Nhàn	DC19GMN01	8.5	*Tám điểm rưỡi*	
10	19571402010007	Lương Thị	Nhi	DC19GMN01	9.0	*Chín điểm*	
11	19571402010008	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	DC19GMN01	7.5	*Bảy điểm rưỡi*	
12	19571402010024	Nguyễn Phạm Thu	Phận	DC19GMN01	8.0	*Tám điểm*	
13	19571402010015	Trần Thị Lệ	Phiến	DC19GMN01	7.0	*Bảy điểm*	
14	19571402010016	Phạm Thị Y	Thảo	DC19GMN01	7.0	*Bảy điểm*	
15	19571402010017	Phan Thanh	Thảo	DC19GMN01	8.0	*Tám điểm*	
16	19571402010010	Ngô Thị Tuyết	Thơm	DC19GMN01	8.5	*Tám điểm rưỡi*	
17	19571402010012	Nguyễn Thị Bích	Thùy	DC19GMN01	8.5	*Tám điểm rưỡi*	
18	19571402010018	Trần Thị Thanh	Thúy	DC19GMN01	8.5	*Tám điểm rưỡi*	
19	19571402010011	Nguyễn Thị Hoài	Thương	DC19GMN01	8.0	*Tám điểm*	
20	19571402010019	Nguyễn Thiện	Trang	DC19GMN01	9.0	*Chín điểm*	
21	19571402010025	Đinh Khánh	Trân	DC19GMN01	7.5	*Bảy điểm rưỡi*	
22	19571402010026	Nguyễn Thị Mỹ	Trinh	DC19GMN01	7.5	*Bảy điểm rưỡi*	
23	19571402010020	Tống Kiều Anh	Tú	DC19GMN01	9.0	*Chín điểm*	
24	19571402010021	Nguyễn Thị Kim	Uyên	DC19GMN01	9.0	*Chín điểm*	
25	19571402010022	Mlô Hờ	Vân	DC19GMN01	6.0	*Sáu điểm*	

Phú Yên, ngày 22 tháng 7 năm 2022

Phòng Quản lý chất lượng

Huỳnh Minh Giảng

Người nhập điểm

Đào Anh Xuân

TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM THI (THEO NHÓM)

Điểm thi học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học/Nhóm: Du lịch và môi trường — **Số tín chỉ: 2**

Ngày thi: 29/6/2022 — **Ca thi: 1**

TT	Mã SV	Họ và Tên		Tên Lớp	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	19573106300009	Lê Tú	Cẩm	DC19VNH01	6.0	*Sáu điểm*	
2	19573106300018	Lê Minh	Chí	DC19VNH01	8.0	*Tám điểm*	
3	19573106300010	Lê Thái	Hào	DC19VNH01	6.0	*Sáu điểm*	
4	19573106300006	Văn Minh	Hiếu	DC19VNH01	9.0	*Chín điểm*	
5	19573106300013	Nguyễn Bảo	Khánh	DC19VNH01	8.5	*Tám điểm rưỡi*	
6	19573106300002	Đặng Thị Thanh	Lam	DC19VNH01	8.0	*Tám điểm*	
7	19573106300003	Lương Trọng	Lâm	DC19VNH01	9.0	*Chín điểm*	
8	19573106300004	Nguyễn Thị Mỹ	Ly	DC19VNH01	9.0	*Chín điểm*	
9	19573106300007	Lê Nguyễn Xuân	Quỳnh	DC19VNH01	5.0	*Năm điểm*	
10	19573106300008	Lưu Thị Như	Quỳnh	DC19VNH01	7.5	*Bảy điểm rưỡi*	
11	19573106300016	Nguyễn Thị Thanh	Trà	DC19VNH01	8.0	*Tám điểm*	

Phú Yên, ngày 15 tháng 7 năm 2022

Phòng Quản lý chất lượng

Huỳnh Minh Giảng

Người nhập điểm

Đào Anh Xuân

TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM THI (THEO NHÓM)

Điểm thi học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

HỌC PHẦN: Thiết kế đồ dùng trực quan PVGD Tiếng Anh **Số tín chỉ:**
Ngày thi: 1/7/2022 Ca thi: 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Điểm thi	Điểm chữ	Ghi chú
1	19571402310010	Lê Nguyễn Phương	Hảo	DC19STA01	9.0	*Chín điểm*	
2	19571402310001	Trần Thị Mỹ	Hảo	DC19STA01	7.0	*Bảy điểm*	
3	19571402310005	Nguyễn Thị Kim	Lài	DC19STA01	8.0	*Tám điểm*	
4	19571402310002	Bùi Bích	Ngọc	DC19STA01	8.5	*Tám điểm rưỡi*	
5	19571402310009	Nguyễn Thị Ngọc	Quỳnh	DC19STA01	8.5	*Tám điểm rưỡi*	
6	19571402310004	Phan Văn	Sang	DC19STA01	7.5	*Bảy điểm rưỡi*	
7	19571402310011	Nguyễn Thị Kim	Tiên	DC19STA01	9.0	*Chín điểm*	
8	19571402310007	Nguyễn Thị Thùy	Trang	DC19STA01	8.5	*Tám điểm rưỡi*	
9	19571402310006	Trịnh Trương	Triển	DC19STA01	8.5	*Tám điểm rưỡi*	
10	19571402310008	Nguyễn Bá	Trúc	DC19STA01	7.5	*Bảy điểm rưỡi*	

Phú Yên, ngày 04 tháng 7 năm 2022

P. TRƯỞNG PHÒNG QLCL

Huỳnh Minh Giảng

NGƯỜI NHẬP ĐIỂM

Nguyễn Văn Hoàng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM THI (THEO NHÓM)
Điểm thi học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

HỌC PHẦN: Giáo dục hòa nhập **Số tín chỉ:**
Ngày thi: 1/7/2022 Ca thi: 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Điểm thi	Điểm chữ	Ghi chú
1	19571402020001	Phan Huỳnh Khánh	Duyên	DC19GTH01	9.0	*Chín điểm*	
2	19571402020029	Lê Nhân	Đức	DC19GTH01	7.5	*Bảy điểm rưỡi*	
3	19571402020013	Sô Thị Thu	Hảo	DC19GTH01	7.0	*Bảy điểm*	
4	19571402020014	Lê Mo Hờ	Hiền	DC19GTH01	6.5	*Sáu điểm rưỡi*	
5	19571402020015	Hán Thị	Huyền	DC19GTH01	6.5	*Sáu điểm rưỡi*	
6	19571402020002	Lê Thanh	Hương	DC19GTH01	7.0	*Bảy điểm*	
7	19571402020016	Trần Yến	Khoa	DC19GTH01	8.5	*Tám điểm rưỡi*	
8	19571402020003	Nguyễn Thị Liên	Kiều	DC19GTH01	8.0	*Tám điểm*	
9	19571402020017	Võ Thị Thanh	Lam	DC19GTH01	8.0	*Tám điểm*	
10	19571402020004	Phan Duy Mỹ	Lợi	DC19GTH01	8.0	*Tám điểm*	
11	19571402020005	Lê Đào Hiền	Lương	DC19GTH01	8.0	*Tám điểm*	
12	19571402020006	Nguyễn Thị Hoàng	Mai	DC19GTH01	8.5	*Tám điểm rưỡi*	
13	19571402020028	Nguyễn Thị Sơn	My	DC19GTH01	8.0	*Tám điểm*	
14	19571402020007	Nguyễn Hiếu	Ngân	DC19GTH01	8.0	*Tám điểm*	
15	19571402020018	Trần Lê Thanh	Nhàn	DC19GTH01	6.0	*Sáu điểm*	
16	19571402020009	Võ Huỳnh	Như	DC19GTH01	6.0	*Sáu điểm*	
17	19571402020019	Phan Trịnh Kim	Phượng	DC19GTH01	7.5	*Bảy điểm rưỡi*	
18	19571402020027	Đồng Thị Thu	Sương	DC19GTH01	7.5	*Bảy điểm rưỡi*	
19	19571402020010	Ngô Đỗ Phương	Thảo	DC19GTH01	8.0	*Tám điểm*	
20	19571402020011	Lê Đỗ Hoài	Thu	DC19GTH01	7.5	*Bảy điểm rưỡi*	
21	19571402020020	Phạm Lê Cẩm	Tiên	DC19GTH01	8.5	*Tám điểm rưỡi*	
22	19571402020021	Văn Lê Thùy	Trang	DC19GTH01	6.0	*Sáu điểm*	
23	19571402020022	Huỳnh Thị Thanh	Tuyền	DC19GTH01	6.0	*Sáu điểm*	
24	19571402020012	Ngô Phạm Trường	Vi	DC19GTH01	7.5	*Bảy điểm rưỡi*	
25	19571402020023	Trần Linh	Vi	DC19GTH01	8.0	*Tám điểm*	
26	19571402020024	Phạm Thị Hoàng	Ý	DC19GTH01	7.5	*Bảy điểm rưỡi*	

Phú Yên, ngày 21 tháng 7 năm 2022

P. TRƯỞNG PHÒNG QLCL

Huỳnh Minh Giảng

NGƯỜI NHẬP ĐIỂM

Nguyễn Văn Hoàng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM THI (THEO NHÓM)

Điểm thi học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

HỌC PHẦN: Tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen TPVH **Số tín chỉ:**
Ngày thi: 1/7/2022 Ca thi: 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Điểm thi	Điểm chữ	Ghi chú
1	19571402010001	Nguyễn Bảo	Chung	DC19GMN01	7.5	*Bảy điểm rưỡi*	
2	19571402010002	Phạm Thị Kim	Hằng	DC19GMN01	8.0	*Tám điểm*	
3	19571402010003	Nguyễn Thị Thanh	Hậu	DC19GMN01	7.5	*Bảy điểm rưỡi*	
4	19571402010004	Đào Thị Kim	Hiền	DC19GMN01	8.5	*Tám điểm rưỡi*	
5	19571402010013	Lưu Thị Mỹ	Kim	DC19GMN01	8.5	*Tám điểm rưỡi*	
6	19571402010005	Trần Thị Yến	Ly	DC19GMN01	7.5	*Bảy điểm rưỡi*	
7	19571402010014	Nguyễn Thị Trà	My	DC19GMN01	7.0	*Bảy điểm*	
8	19571402010023	Nguyễn Thị Thanh	Nhã	DC19GMN01	0.0	*Không điểm*	Vắng thi
9	19571402010006	Nguyễn Thị ánh	Nhàn	DC19GMN01	7.0	*Bảy điểm*	
10	19571402010007	Lương Thị	Nhi	DC19GMN01	8.5	*Tám điểm rưỡi*	
11	19571402010008	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	DC19GMN01	6.5	*Sáu điểm rưỡi*	
12	19571402010024	Nguyễn Phạm Thu	Phận	DC19GMN01	7.0	*Bảy điểm*	
13	19571402010015	Trần Thị Lệ	Phiến	DC19GMN01	6.5	*Sáu điểm rưỡi*	
14	19571402010016	Phạm Thị Y	Thảo	DC19GMN01	8.0	*Tám điểm*	
15	19571402010017	Phan Thanh	Thảo	DC19GMN01	8.5	*Tám điểm rưỡi*	
16	19571402010010	Ngô Thị Tuyết	Thơm	DC19GMN01	6.5	*Sáu điểm rưỡi*	
17	19571402010012	Nguyễn Thị Bích	Thùy	DC19GMN01	8.5	*Tám điểm rưỡi*	
18	19571402010018	Trần Thị Thanh	Thúy	DC19GMN01	8.5	*Tám điểm rưỡi*	
19	19571402010011	Nguyễn Thị Hoài	Thương	DC19GMN01	8.0	*Tám điểm*	
20	19571402010019	Nguyễn Thiện	Trang	DC19GMN01	8.5	*Tám điểm rưỡi*	
21	19571402010025	Đinh Khánh	Trân	DC19GMN01	6.0	*Sáu điểm*	
22	19571402010026	Nguyễn Thị Mỹ	Trinh	DC19GMN01	7.5	*Bảy điểm rưỡi*	
23	19571402010020	Tống Kiều Anh	Tú	DC19GMN01	8.0	*Tám điểm*	
24	19571402010021	Nguyễn Thị Kim	Uyên	DC19GMN01	6.5	*Sáu điểm rưỡi*	
25	19571402010022	Mlô Hờ	Vân	DC19GMN01	6.0	*Sáu điểm*	

Phú Yên, ngày 21 tháng 7 năm 2022

P. TRƯỞNG PHÒNG QLCL

Huỳnh Minh Giảng

NGƯỜI NHẬP ĐIỂM

Nguyễn Văn Hoàng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM THI (THEO NHÓM)
Điểm thi học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

HỌC PHẦN: Nghiệp vụ nhà hàng **Số tín chỉ:**
Ngày thi: 1/7/2022 Ca thi: 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Điểm thi	Điểm chữ	Ghi chú
1	19573106300009	Lê Tú	Cẩm	DC19VNH01	6.2	*Sáu điểm hai*	
2	19573106300018	Lê Minh	Chí	DC19VNH01	1.0	*Một điểm*	
3	19573106300010	Lê Thái	Hào	DC19VNH01	4.3	*Bốn điểm ba*	
4	19573106300006	Văn Minh	Hiếu	DC19VNH01	3.4	*Ba điểm tư*	
5	19573106300013	Nguyễn Bảo	Khánh	DC19VNH01	1.5	*Một điểm rưỡi*	
6	19573106300002	Đặng Thị Thanh	Lam	DC19VNH01	6.8	*Sáu điểm tám*	
7	19573106300003	Lương Trọng	Lâm	DC19VNH01	3.5	*Ba điểm rưỡi*	
8	19573106300004	Nguyễn Thị Mỹ	Ly	DC19VNH01	8.2	*Tám điểm hai*	
9	19573106300007	Lê Nguyễn Xuân	Quỳnh	DC19VNH01	9.6	*Chín điểm sáu*	
10	19573106300008	Lưu Thị Như	Quỳnh	DC19VNH01	3.5	*Ba điểm rưỡi*	
11	19573106300016	Nguyễn Thị Thanh	Trà	DC19VNH01	9.3	*Chín điểm ba*	

Phú Yên, ngày 21 tháng 7 năm 2022

P. TRƯỞNG PHÒNG QLCL

Huỳnh Minh Giảng

NGƯỜI NHẬP ĐIỂM

Nguyễn Văn Hoàng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM THI (THEO NHÓM)

Điểm thi học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học/Nhóm: Quy hoạch Du lịch — **Số tín chỉ: 2**

Ngày thi: 04/7/2022 — **Ca thi: 1**

TT	Mã SV	Họ và Tên		Tên Lớp	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	19573106300009	Lê Tú	Cẩm	DC19VNH01	7.7	*Bảy điểm bảy*	
2	19573106300018	Lê Minh	Chí	DC19VNH01	0.5	*Nửa điểm*	
3	19573106300010	Lê Thái	Hào	DC19VNH01	0.0	*Không điểm*	Vắng
4	19573106300006	Văn Minh	Hiếu	DC19VNH01	7.0	*Bảy điểm*	
5	19573106300013	Nguyễn Bảo	Khánh	DC19VNH01	8.2	*Tám điểm hai*	
6	19573106300002	Đặng Thị Thanh	Lam	DC19VNH01	6.9	*Sáu điểm chín*	
7	19573106300003	Lương Trọng	Lâm	DC19VNH01	7.0	*Bảy điểm*	
8	19573106300004	Nguyễn Thị Mỹ	Ly	DC19VNH01	9.0	*Chín điểm*	
9	19573106300007	Lê Nguyễn Xuân	Quỳnh	DC19VNH01	8.0	*Tám điểm*	
10	19573106300008	Lưu Thị Như	Quỳnh	DC19VNH01	8.0	*Tám điểm*	
11	19573106300016	Nguyễn Thị Thanh	Trà	DC19VNH01	9.4	*Chín điểm tư*	

Phú Yên, ngày 21 tháng 7 năm 2022

Phòng Quản lý chất lượng

Huỳnh Minh Giảng

Người nhập điểm

Đào Anh Xuân

TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM THI (THEO NHÓM)

Điểm thi học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học/Nhóm: Tổ chức hình thành biểu tượng toán cho trẻ [redacted] **Số tín chỉ: 3**

Ngày thi: 04/7/2022 **Ca thi: 1**

TT	Mã SV	Họ và Tên		Tên Lớp	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	19571402010001	Nguyễn Bảo	Chung	DC19GMN01	7.5	*Bảy điểm rưỡi*	
2	19571402010002	Phạm Thị Kim	Hằng	DC19GMN01	9.0	*Chín điểm*	
3	18151140201009	Trần Lê Khả	Hân	CC18GMN01	0.0	*Không điểm*	Vắng
4	19571402010003	Nguyễn Thị Thanh	Hậu	DC19GMN01	8.0	*Tám điểm*	
5	19571402010004	Đào Thị Kim	Hiền	DC19GMN01	8.0	*Tám điểm*	
6	19571402010013	Lưu Thị Mỹ	Kim	DC19GMN01	8.0	*Tám điểm*	
7	19571402010005	Trần Thị Yến	Ly	DC19GMN01	8.0	*Tám điểm*	
8	19571402010014	Nguyễn Thị Trà	My	DC19GMN01	8.0	*Tám điểm*	
9	19571402010023	Nguyễn Thị Thanh	Nhã	DC19GMN01	0.0	*Không điểm*	Vắng
10	19571402010006	Nguyễn Thị ánh	Nhàn	DC19GMN01	8.0	*Tám điểm*	
11	19571402010007	Lương Thị	Nhi	DC19GMN01	8.0	*Tám điểm*	
12	19571402010008	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	DC19GMN01	7.0	*Bảy điểm*	
13	19571402010024	Nguyễn Phạm Thu	Phận	DC19GMN01	8.0	*Tám điểm*	
14	19571402010015	Trần Thị Lệ	Phiến	DC19GMN01	8.5	*Tám điểm rưỡi*	
15	19571402010016	Phạm Thị Y	Thảo	DC19GMN01	8.5	*Tám điểm rưỡi*	
16	19571402010017	Phan Thanh	Thảo	DC19GMN01	8.0	*Tám điểm*	
17	19571402010010	Ngô Thị Tuyết	Thơm	DC19GMN01	8.0	*Tám điểm*	
18	19571402010012	Nguyễn Thị Bích	Thùy	DC19GMN01	8.0	*Tám điểm*	
19	19571402010018	Trần Thị Thanh	Thúy	DC19GMN01	8.0	*Tám điểm*	
20	19571402010011	Nguyễn Thị Hoài	Thương	DC19GMN01	8.0	*Tám điểm*	
21	19571402010019	Nguyễn Thiện	Trang	DC19GMN01	9.0	*Chín điểm*	
22	19571402010025	Đinh Khánh	Trân	DC19GMN01	8.0	*Tám điểm*	
23	19571402010026	Nguyễn Thị Mỹ	Trinh	DC19GMN01	8.0	*Tám điểm*	
24	19571402010020	Tống Kiều Anh	Tú	DC19GMN01	9.0	*Chín điểm*	
25	19571402010021	Nguyễn Thị Kim	Uyên	DC19GMN01	7.0	*Bảy điểm*	
26	19571402010022	Mlô Hờ	Vân	DC19GMN01	8.5	*Tám điểm rưỡi*	
27	18151140201052	Nguyễn Thị Tường	Vi	CC18GMN01	0.0	*Không điểm*	Vắng

Phú Yên, ngày 19 tháng 7 năm 2022

Phòng Quản lý chất lượng

Huỳnh Minh Giảng

Người nhập điểm

Đào Anh Xuân